



I.1. Không từ chính mình, / không từ thứ khác, //  
Không từ cả hai, / không từ không nhân: //  
Sự vật nào có / thứ gì ở đâu //  
Sinh ra bao giờ.

I.2. “Duyên sinh có bốn: / đó là nhân duyên; //  
Và sở duyên duyên; / và thứ đệ duyên; //  
Và cũng tương tự, / có tăng thượng duyên. //  
Chỉ thế, không hề / có duyên thứ năm.”

I.3. Tự tánh sự vật / không hề nằm ở //  
Nơi duyên hay là / ở nơi nào khác. //  
Nếu như ngã tánh / đã là không có, //  
Vậy thì tha tánh / cũng là không có.

I.4. Không có việc nào / ứng cùng với duyên; //  
Không ứng cùng duyên / thì không có việc; //  
Duyên không ứng việc / chẳng phải là duyên; //  
Duyên ứng với việc / cũng là như thế.

I.5. Nhờ vào điều này / nên mới khởi sinh //  
Do đó mà gọi / điều này là duyên. //  
Nhưng trước khi sinh, / tại sao khi ấy //  
Điều này lại chẳng / là không phải duyên?

I.6. Cho dù là có / hay là không có, //  
Sự vật không hề / tương ứng với duyên. //  
Đã không, thì duyên / là duyên của ai? //  
Đã có, thì duyên / là để làm gì?

I.7. Khi mà các pháp / dù có, dù không; //  
Vừa có vừa không / đều không thiết lập, //  
Vậy thứ thiết lập / sao gọi là nhân? //  
Nếu gọi như vậy / là không đúng lý.

I.8. Pháp có này đây / đối cảnh của nó //  
Thật sự không có / lại bảo rằng có. //  
Nếu như các pháp / đã không đối cảnh, //  
Vậy có sở duyên / là có ở đâu?

I.9. Các pháp khi mà / chưa có sinh ra //  
Thì đâu lý nào / lại là có diệt. //  
Nếu vẫn diệt thì / lấy gì làm duyên? //  
Nên thứ đệ duyên / là điều phi lý.

I.10. Bởi vì không hề / có sự vật nào //  
Không có tự tánh / mà có hiện hữu, //  
Cho nên nói rằng, / “vì cái này có //  
Nên cái kia sinh,” / là không đúng lý.

I.11. Dù duyên riêng lẻ, / hay duyên tập hợp, //  
Quả vẫn không hề / có ở nơi duyên. //  
Điều gì vốn đã / không có nơi duyên, //

Làm sao có thể / từ duyên sinh khởi?

I.12. Còn nếu quả này / không có nơi duyên //  
Mà vẫn có thể / từ duyên sinh khởi, //  
Đã vậy thì sao / lại không thể nào //  
Từ nơi không phải / là duyên sinh ra?

I.13. Nếu quả có cùng / tự tánh với duyên, //  
Nhưng duyên thì lại / không có tự tánh. //  
Thứ không tự tánh / thì quả của nó //  
Đâu thể nào cùng / tự tánh với duyên.

I.14. Nên quả không cùng / tự tánh với duyên, //  
Không cùng tự tánh / với không phải duyên. //  
Quả đã không có / vậy dù là duyên //  
Hay không phải duyên / cũng đâu thể có?

*Đến đây hết chương 1, tên là Quán Duyên*

## **II. QUÁN SỰ ĐI LẠI**

II.1. Trước hết, ở chỗ / đã đi, không đi. //  
Ở chỗ chưa đi / cũng không có đi. //  
Loại trừ hết thấy / “đã đi,” “chưa đi,” //  
Biết còn chỗ nào / để mà đang đi?

II.2. “Ở đâu chuyển động / ở đó có đi //  
Có sự chuyển động / ở chỗ đang đi //  
Không động ở chỗ / đã đi, chưa đi, //  
Nên có sự đi / ở chỗ đang đi.”

II.3. Nói có sự đi / ở chỗ đang đi, //  
Điều này đâu thể / là điều hợp lý. //  
Vì bởi khi mà / không có sự đi, //  
Thì chỗ đang đi / trở thành phi lý.

II.4. Ai nói sự đi / ở chỗ đang đi, //  
Ắt có đang đi / mà không có đi. //  
Phi lý như vậy / là vì nói rằng //  
Sự đi là nằm / ở chỗ đang đi.

II.5. Nếu ở chỗ đi / mà có sự đi //  
Thì sự đi ấy / ắt phải có hai: //  
Một là sự đi / ở người đang đi, //  
Hai là sự đi / ở chỗ đang đi.

II.6. Nếu như sự đi / đã là có hai, //  
Vậy thì người đi / cũng phải có hai. //  
Là vì nếu như / không có người đi, //  
Thì sự đi cũng / không thể nào có.

II.7. Nếu như người đi / đã là không có //  
Thì đâu lý nào / lại có sự đi. //

Không có sự đi / vậy thì người đi //  
Tìm đâu cho có?

II.8. Người đi không đi. //  
Không phải người đi / cũng vậy, không đi. //  
Ngoài người đi và / không phải người đi, //  
Đâu có trường hợp / thứ ba nào đi?

II.9. Khi mà sự đi / đã là không có //  
Thì đâu lý nào / lại có người đi. //  
Nếu như nói rằng / “người đi có đi” //  
Làm sao có thể / là điều hợp lý?

II.10. Ai theo quan niệm / “người đi có đi” //  
Sẽ phải chấp nhận / hệ quả phi lý //  
Là có người đi / mà không có đi, //  
Vì đã khẳng định / “người đi có đi.”

II.11. Nếu như cho rằng / người đi có đi, //  
Vậy thì cũng phải / có hai sự đi: //  
Sự đi làm cho / thành có người đi; //  
Và sự đi của / người đi khi đi.

II.12. Sự đi không khởi / ở chỗ đã đi; //  
Cũng không phát khởi / ở chỗ chưa đi; //  
Cũng không phát khởi / ở chỗ đang đi. //  
Vậy thì sự đi / phát khởi chỗ nào?

II.13. Thời điểm trước khi / phát khởi sự đi //  
Thì sự đi ấy / bắt đầu từ đâu? //  
Không phải ở chỗ / đang đi, đã đi, //  
Đâu thể nào nằm / ở chỗ chưa đi?

II.14. Mọi điểm xuất phát / của sự đi kia //  
Đều không thể thấy. / Đã là như vậy //  
Thì có gì là / đã đi, đang đi, //  
Hay là chưa đi, / để mà phân biệt?

II.15. Trước hết, người đi / thì không đứng lại. //  
Không phải người đi / cũng vậy, không đứng. //  
Ngoài người đi và / không phải người đi, //  
Đâu còn trường hợp / thứ ba nào đứng?

II.16. Khi mà sự đi / đã là không có //  
Thì đâu lý nào / lại có người đi! //  
Vậy thì nói rằng / “người đi đứng lại” //  
Làm sao có thể / là điều hợp lý?

II.17. Ở chỗ đang đi / thì không đứng lại, //  
Cũng không đứng chỗ / đã đi, chưa đi. //  
Đang đi, khởi đi / hay là đứng lại, //  
Cũng đều tương tự / giống như là đi.

II.18. Nói rằng sự đi / chính là người đi //  
Là không đúng lý. //  
Nói rằng sự đi / khác với người đi //  
Cũng không đúng lý.

II.19. Sự đi, người đi, //  
Nếu chỉ là một //  
Người làm, việc làm, //  
Ắt phải là một.

II.20. Sự đi, người đi, //  
Nếu cho rằng khác, //  
Ắt có sự đi / mà không người đi, //  
Và có người đi / mà không sự đi.

II.21. Một cũng không thành, //  
Khác cũng không thành: //  
Hai pháp này đây //  
Làm sao thiết lập?

II.22. Sự đi nào làm / thành có người đi //  
Thì không phải là / sự đi khi đi, //  
Vì trước khi đi, / người đi không có, //  
Thì nào có ai / đi đâu bao giờ.

II.23. Sự đi nào làm / thành có người đi //  
Thì không khác với / sự đi khi đi, //  
Vì một người đi / có hai sự đi //  
Là không hợp lý.

II.24. Thật là người đi //  
Thì ba cách đi / người ấy không làm. //  
Không thật người đi //  
Thì ba cách đi / người ấy không làm.

II.25. Vừa thật người đi / vừa là không thật //  
Thì ba cách đi / người ấy không làm. //  
Vì thế cho nên / đi và người đi //  
Hay là chỗ đi / đều không thật có.

*Đến đây hết chương 2, tên là Quán Sự Đi Lại*

### **III. QUÁN GIÁC QUAN**

III.1. “Sự thấy, sự nghe, / sự ngửi, sự nếm, //  
Sự chạm, sự biết, / là sáu giác quan. //  
Đối cảnh của chúng //  
Là sắc trần và / năm trần còn lại.”

III.2. Sự thấy vốn không //  
Tự thấy chính mình. //  
Điều gì chính mình / còn không tự thấy, //  
Làm sao có thể / thấy được thứ khác.

III.3. Lấy ví dụ lửa, / để lập sự thấy //  
Nhưng ví dụ này / vốn là vô năng. //  
Đã, đang, chưa đi / những thứ này đây //  
Đã được đáp trả / cùng với sự thấy.

III.4. Khi mà chút gì / cũng không nhìn thấy, //  
Thì không phải là / cái làm việc thấy //  
Gọi sự thấy là / “cái làm việc thấy” //  
Chẳng phải là điều / phi lý lắm sao.

III.5. Sự thấy tự nó / không thể nhìn thấy; //  
Không phải sự thấy / cũng không nhìn thấy. //  
Cần phải hiểu rằng / chính nhờ sự thấy //  
Cho nên người thấy / mới được giải thích.

III.6. Rời sự thấy thì / người thấy cũng không; //  
Không rời thì cũng / không có người thấy. //  
Người thấy đã không / thì cái được thấy //  
Hay sự nhìn thấy / đâu thể nào có.

*[III.7. Cũng giống như là / đứa con sinh ra //  
Là nhờ cha mẹ //  
Cũng vậy, nhờ vào / nhãn căn và sắc //  
Mà thức phát sinh.] //*  
[Ghi chú, nhiều bản không có chữ cú này]

III.8. Được thấy và thấy / đều là không có //  
Nên bốn thứ như / thức và đại loại, *[thức, xúc, thọ, ái.] //*  
Cũng đều không có. / Đã vậy thì thủ, //  
Cùng thứ đại loại, *[hữu, sinh, lão tử]* / làm sao có được.

III.9. Sự thấy là vậy, / nên nghe, và nghĩ, //  
Ném, chạm, và ý, //  
Người nghe, sự nghe / các thứ đại loại, //  
Phải hiểu đều cùng / một nghĩa như trên.

*Đến đây hết chương 3, tên là Quán Giác Quan*

#### **IV. QUÁN UẨN**

IV.1. Nhân này của sắc / nếu như tách lìa //  
Thì sắc ấy cũng / không thể nào thấy. //  
Cái gọi là sắc / nếu như tách lìa, //  
Thì nhân của sắc / không thể nào hiện.

IV.2. Giả sử lìa nhân / mà vẫn có sắc, //  
Vậy thì sắc ấy / là sắc không nhân. //  
Thứ không có nhân //  
Tìm đâu cho có?

IV.3. Giả sử lìa sắc //  
Mà nhân của sắc / cũng vẫn có được. //  
Vậy thì nhân ấy / là nhân không quả. //

Nhân không có quả / là điều không có.

IV.4. Sắc nếu là có //  
Thì nhân của sắc / đâu lý nào có. //  
Sắc nếu không có //  
Thì nhân của sắc / đâu lý nào có.

IV.5. Sắc mà không nhân, //  
Chắc chắn là không! / không thể nào có! //  
Vì lý do ấy, / thấy sắc đừng nên //  
Khởi lên bất cứ / niệm phân biệt nào.

IV.6. Nói “quả và nhân / đều giống như nhau” //  
Là không hợp lý. //  
Nói “quả và nhân / không giống như nhau” //  
Cũng không hợp lý.

IV.7. Với thọ, tưởng, hành, //  
Và thức, cùng với / tất cả mọi thứ, //  
Trên đủ mọi mặt / hãy nên áp dụng //  
Cùng một trình tự / như là với sắc.

IV.8. Biện về tánh không, //  
Nếu như có ai / đưa lời đối đáp, //  
Mọi đối đáp ấy / không đáp được gì, //  
Vì đều nói giống / điều cần chứng minh.

IV.9. Giảng về tánh không, //  
Nếu như có ai / đưa lời bắt lỗi, //  
Mọi bắt lỗi ấy / không bắt được gì, //  
Vì đều nói giống / điều cần chứng minh.

*Đến đây hết chương 4, tên là Quán Uẩn*

## **V. QUÁN GIỚI CHỦNG**

V.1. Tướng của không gian / nếu chưa có thì //  
Không gian chút gì / cũng đều không có. //  
Còn nếu không gian / mà có trước tướng, //  
Thì ắt phải là / thứ không có tướng.

V.2. Thứ không có tướng //  
Tìm đâu cho ra? //  
Đã không thứ gì / là không có tướng, //  
Vậy thì tướng ấy / ứng vào chỗ nào?

V.3. Không thể ứng vào / chỗ không có tướng; //  
Cũng không thể ứng / vào chỗ có tướng. //  
Ngoài chỗ có tướng / và không tướng ra, //  
Đâu chỗ nào khác / cho tướng ứng vào.

V.4. Nếu như tướng đã / không thể ứng vào, //  
Vậy thì sở tướng / đâu lẽ nào có. //

Sở tướng theo lẽ / đã là không có, //  
Vậy thì tướng ấy / cũng là không có.

V.5. Vì thế cho nên / không có sở tướng, //  
Và chính tướng ấy / cũng là không có. //  
Lìa hết sở tướng / cùng với tướng ra, //  
Thì sự vật cũng / không phải là có.

V.6. Nếu sự vật đã / không phải là có //  
Vậy thứ không có / lại là thứ gì? //  
Pháp có hay không / đều đã không thuận //  
Thử hỏi lấy gì / biết có biết không?

V.7. Cho nên không gian / không phải là có, //  
Không phải không có, / không phải sở tướng, //  
Không phải là tướng. / Năm chúng còn lại //  
Cũng đều tương tự / như là không gian.

V.8. Những người trí mọn / nhìn vào sự vật, //  
Hoặc thấy là có, / hoặc thấy là không. //  
Họ không thấy được / cảnh giới tịch yên, //  
An nhiên tịch tịnh.

*Đến đây hết chương 5, tên là Quán Giới Chúng*

## **VI. QUÁN THAM VÀ NGƯỜI THAM**

VI.1. Nếu như trước khi / có sự tham dục //  
Đã có người tham / không có sự tham, //  
Rồi dựa vào đó / mới có sự tham. //  
Nếu có người tham / là sẽ có tham.

VI.2. Người tham nếu như / đã là không có, //  
Vậy thì tham ấy / biết có ở đâu? //  
Đối với người tham / cũng như là tham, //  
Có hay không có, / đều xét như nhau.

VI.3. Tham và người tham //  
Đồng loạt khởi sinh / là không hợp lý. //  
Vì nếu vậy thì / tham và người tham //  
Sẽ không có sự / tương quan đối đãi.

VI.4. Nếu đã là một / thì không đồng loạt: //  
Không thể đồng loạt / với chính bản thân. //  
Nếu đã là khác //  
Thì đâu làm sao / có thể đồng loạt.

VI.5. Nếu như là một / mà vẫn đồng loạt, //  
Thì không đối tác / vẫn sẽ đồng loạt. //  
Nếu như là khác / mà vẫn đồng loạt, //  
Thì không đối tác / vẫn sẽ đồng loạt.

VI.6. Nếu như là khác / mà vẫn đồng loạt, //



Phải chăng người tham / cùng với sự tham //  
Được thiết lập là / khác biệt với nhau, //  
Rồi sau đó mới / trở thành đồng loạt?

VI.7. Tham và người tham //  
Nếu đã thiết lập / là khác với nhau //  
Thì có sao lại //  
Nghĩ là đồng loạt?

VI.8. Không thể thiết lập / là khác với nhau //  
Nên [ông] cho rằng / chúng là đồng loạt. //  
Để thiết lập là / đồng loạt với nhau, //  
Liệu có cho rằng / chúng là khác biệt?

VI.9. Vì không thiết lập / sự vật khác biệt, //  
Nên không thiết lập / sự vật đồng loạt //  
Nhưng có sự vật / nào là khác biệt //  
Để mà nói đến / sự vật đồng loạt?

VI.10. Đã vậy thì tham / cùng với người tham, //  
Đồng loạt hay không / đều không thiết lập. //  
Tương tự như tham, / hết thảy các pháp //  
Đồng loạt hay không / đều không thiết lập.

*Đến đây hết chương 6, tên là Quán Tham Và Người Tham*

## **VII. QUÁN SINH TRÚ HOẠI**

VII.1. Sinh này nếu như / là pháp hữu vi, //  
Thì nhất định phải / có đủ ba tướng. //  
Sinh này nếu như / là pháp vô vi, //  
Thì đâu thể nào / làm tướng hữu vi.

VII.2. Sinh, trú, và hoại, / tách riêng từng tướng //  
Không có khả năng / làm tướng hữu vi. //  
Nhưng ở một chỗ, / trong cùng một lúc, //  
Hội đủ cả ba / là điều không thể.

VII.3. Ở nơi ba tướng / sinh, trú, hoại này //  
[Có hay không có] / tướng hữu vi khác? //  
Có thì lâm vòng / hồi quy bất tận, //  
Không thì ba tướng / không là hữu vi.

VII.4. [Nếu như nói rằng] / “sự sinh của sinh //  
Chỉ sinh bốn sinh, //  
Bốn sinh sinh rồi //  
Thì sẽ sinh ra / sự sinh của sinh.”

VII.5. Sự sinh của sinh, / theo như ông nói, //  
Sinh ra bốn sinh, / vậy thì thử hỏi //  
Thứ mà bốn sinh / chưa sinh ra ấy, //  
Làm sao có thể / sinh được bốn sinh?

VII.6. Nếu thứ sinh từ / bốn sinh của ông //  
Lại chính là thứ / sinh ra bốn sinh, //  
Nhưng bốn sinh mà / thứ ấy chưa sinh, //  
Làm sao có thể / sinh được thứ ấy?

VII.7. Nếu thứ chưa sinh //  
Mà có khả năng / sinh được thứ khác, //  
Thì mới có thể, / giống như ông nói, //  
Thứ đang sinh này / sinh được thứ kia.

VII.8. “Như là lửa đèn //  
Có thể soi sáng / mình và thứ khác, //  
Sự sinh cũng vậy, / mình và thứ khác //  
Sinh được cả hai.”

VII.9. Nhưng mà lửa đèn / cùng chỗ của nó //  
Vốn không có tối, //  
Vậy lửa đèn này / soi sáng gì đây? //  
Soi sáng thì phải / là xua bóng tối.

VII.10. Khi mà lửa đèn / còn đang đốt lên, //  
Thì chưa tiếp xúc / với lại bóng tối. //  
Vậy thì lửa đèn / còn đang đốt kia, //  
Làm sao có thể / xua bóng tối này.

VII.11. Nếu như lửa đèn / không cần tiếp xúc //  
Mà vẫn có thể / xua được bóng tối, //  
Vậy thì bóng tối / của khắp thế gian, //  
Đèn một chỗ này / xua tan được cả.

VII.12. Giả sử lửa đèn / có thể soi sáng //  
Mình và thứ khác, / vậy thì chắc chắn //  
Không chút hoài nghi, / rằng bóng tối cũng //  
Có thể che ám / mình và thứ khác.

VII.13. Sự sinh này đây / chưa được sinh ra //  
Làm sao có thể / tự sinh chính mình //  
Còn nếu sự sinh / đã được sinh ra //  
Đã sinh ra rồi / còn sinh gì nữa?

VII.14. Đã sinh, chưa sinh, / hay là đang sinh, //  
Bất kể cách nào / cũng đều không sinh. //  
Điều này trước đây / đã được giải thích //  
Qua sự đã đi, / chưa đi, đang đi.

VII.15. Cho dù là có / sự sinh chẳng nữa, //  
Thì thứ đang sinh / cũng vẫn chưa thành. //  
Vậy biết lấy gì / để mà nói rằng //  
Duyên nơi sự sinh, / có thứ đang sinh?

VII.16. Điều gì đã là / tùy duyên sinh khởi, //  
Bản tánh điều ấy / vốn là tịnh yên. //  
Nên thứ đang sinh, / cũng như sự sinh, //

Đều là yên tịnh.

VII.17. Nếu ở đâu đó / có thứ chưa sinh, //  
Thứ ấy dù gì / rồi cũng được sinh. //  
Nhưng thứ chưa sinh / thì đâu đã có, //  
Thử hỏi có gì / để mà sinh ra ?

VII.18. Nếu như nói rằng / nhờ sự sinh ấy //  
Nên mới sinh ra / sự đang sinh này, //  
Vậy sự sinh ấy / nay phải nhờ vào //  
Sự sinh nào nữa / để được sinh ra?

VII.19. Nếu sinh ra nhờ / một sự sinh khác //  
Vậy là lâm vòng / hồi quy bất tận. //  
Còn nếu như mà / không sinh vẫn sinh //  
Thì tất cả đều / phải sinh như thế.

VII.20. Cho dù là có, / hay là không có, //  
Thì sự sinh đều / phi lý như nhau. //  
Giống như “cũng có, / cũng là không có,” //  
Đã được giải thích / trong phần trước đây.

VII.21. Không có lý nào / lại có sự vật //  
Đang diệt mà sinh. //  
Không có lý nào / lại có thứ gì //  
Không đang diệt mà / lại là thứ có.

VII.22. Sự vật đã trú / thì không có trú, //  
Sự vật chưa trú / thì không có trú, //  
Sự vật đang trú / cũng không có trú, //  
Đâu có thứ gì / không sinh mà trú.

VII.23. Không có lý nào / lại có sự vật //  
Đang diệt mà trú. //  
Không có lý nào / lại có thứ gì //  
Không đang diệt mà / lại là thứ có.

VII.24. Hết thấy sự vật / ở khắp mọi thời //  
Đều là những thứ / có già và chết. //  
Có sự vật nào / không già không chết //  
Để mà trú đây?

VII.25. Trú không trú nhờ / cái trú nào khác, //  
Trú nhờ chính mình / cũng là phi lý. //  
Giống như là sinh, / không tự mình sinh, //  
Cũng không sinh nhờ / sự sinh nào khác.

VII.26. Nếu như đã diệt / thì không có diệt. //  
Nếu như chưa diệt, / cũng không có diệt. //  
Nếu như đang diệt / thì cũng vậy thôi, //  
Đâu có thứ gì / không sinh mà diệt.

VII.27. Trước tiên hết là / sự vật mà trú //

Thì không lý nào / lại là có diệt. //  
Còn nếu như là / sự vật không trú //  
Cũng không lý nào / lại là có diệt.

VII.28. Trạng thái trú này / không tự diệt bằng //  
Cùng một trạng thái, //  
Cũng không diệt bằng //  
Trạng thái nào khác.

VII.29. Một khi toàn bộ / hết thảy các pháp //  
Đã không lý nào / lại là có sinh, //  
Thì như thế là / hết thảy các pháp //  
Cũng không lý nào / lại là có diệt.

VII.30. Trước tiên hết là / thứ có hiện hữu //  
Thì không lý nào / lại là có diệt. //  
Một thứ mà lại / vừa là thứ có //  
Vừa thứ không có / là không hợp lý.

VII.31. Còn nếu như là / thứ không hiện hữu //  
Cũng không lý nào / mà lại có diệt. //  
Cũng giống như là / cái đầu thứ hai, //  
Đâu thể chặt đứt.

VII.32. Diệt thì không phải / tự một mình diệt, //  
Cũng không diệt nhờ / sự diệt nào khác. //  
Giống như là sinh, / không tự mình sinh, //  
Cũng không sinh nhờ / sự sinh nào khác.

VII.33. Sinh, trú, và hoại, / đã không thiết lập, //  
Thì pháp hữu vi / cũng không thiết lập. //  
Nếu pháp hữu vi / đã không thiết lập, //  
Thì pháp vô vi / lập bằng cách nào?

VII.34. Như là chiêm bao, / như là ảo ảnh, //  
Như là thành quách / của Càn thất bà, //  
Sinh, trú và hoại //  
Được thuyết như vậy.

*Đến đây hết chương 7, tên là Sinh, Trú, Hoại.*

## **VIII: QUÁN NGHIỆP VÀ NGƯỜI TẠO**

**Ghi chú:** Nghiệp là thứ “được tạo” đồng nghĩa với “việc làm, hành động, sở tác, v.v...” //  
“Người tạo” là thứ làm việc tạo tác, đồng nghĩa với “người làm, năng tác v.v...”

VIII.1. Người tạo là thật //  
Thì nghiệp nào thật / người ấy không tạo. //  
Người tạo không thật //  
Thì nghiệp không thật / người ấy không tạo.

VIII.2. Đã là thật thì / không có việc tạo. //  
Vậy là có nghiệp / mà không người tạo. //

Đã là thật thì / không có việc tạo //  
Vậy có người tạo / mà không có nghiệp.

VIII.3. Nếu như người tạo / không phải là thật, //  
Tạo tác thứ nghiệp / không phải là thật, //  
Vậy thì nghiệp ấy / là nghiệp không nhân, //  
Và người tạo ấy / cũng là không nhân.

VIII.4. Đã không có nhân / thì dù là quả //  
Hay dù là nhân / đâu lẽ nào có. //  
Không thứ đó thì / việc tạo, người tạo, //  
Hay tác nhân tạo, / đều thành phi lý.

VIII.5. Việc, người, tác nhân / đã là phi lý //  
Thì đâu thể có / pháp hay phi pháp. //  
Pháp và phi pháp / đã là không có //  
Thì không thể nào / từ đó sinh quả.

VIII.6. Quả đã không có / thì đường giải thoát //  
Hay là cõi trời / cũng không thể có. //  
Nếu đã như vậy, / ắt phải suy ra //  
Rằng mọi việc làm / đều là vô nghĩa.

VIII.7. Người tạo vừa thật / vừa là không thật //  
Thì không tạo thứ / vừa thật vừa không. //  
Cùng một thứ mà / vừa thật vừa không, //  
Mâu thuẫn với nhau / tìm đâu cho có?

VIII.8. Người tạo là thật //  
Thì nghiệp không thật / người ấy không tạo. //  
Người tạo không thật / thì thứ nghiệp thật / người ấy không tạo. //  
Ở đây dẫn đến / cùng lỗi như trên.

VIII.9. Người tạo là thật //  
Thì nghiệp không thật, / hay là thứ nghiệp //  
Vừa thật vừa không / đều không tạo tác. //  
Lý do có đã / giải thích trên đây.

VIII.10. Người tạo không thật //  
Thì dù nghiệp thật / hay là thứ nghiệp //  
Vừa thật vừa không / đều không tạo tác. //  
Lý do có đã / giải thích trên đây.

VIII.11. Người tạo vừa thật / vừa là không thật //  
Thì không tạo nghiệp / thật hay không thật. //  
Cũng cần phải hiểu / lý do điều này //  
Nhờ vào những gì / đã nói trên đây.

VIII.12. Vì duyên nơi nghiệp / nên có người tạo, //  
Và duyên người tạo / nên mới có nghiệp. //  
Ngoài sự tùy duyên / sinh khởi này ra, //  
Không thấy có nhân / sinh khởi nào khác.

VIII.13. Phải biết rằng thú / cũng giống như vậy //  
Là vì đã quét / nghiệp và người tạo. //  
Hiểu được nghiệp và / người tạo này đây, //  
Thì biết tất cả / mọi thứ còn lại.

*Đến đây hết chương 8, tên là Quán Nghiệp Và Người Tạo*

## **IX. QUÁN CHỖ TRÚ TRƯỚC**

IX.1. Có người nói rằng / thấy, nghe, đại loại, //  
Và thọ, các thứ, //  
Ai người sở hữu / những thứ này đây, //  
Với những thứ này / phải là có trước.

IX.2. Vì nếu không có / cái gì có trước //  
Thấy và đại loại / làm sao khởi sinh? //  
Thế nên trước khi / có những thứ này //  
Thì phải có sẵn / cái làm chỗ trú.

IX.3. Nhưng trước khi có / thấy nghe đại loại, //  
Và thọ, các thứ, //  
Mà đã có sẵn / cái làm chỗ trú, //  
Vậy chỗ trú ấy / lấy gì lập danh?

IX.4. Thấy, nghe đại loại / nếu như chưa có //  
Mà chỗ trú vẫn / có thể có được, //  
Vậy chẳng hoài nghi, / thấy, nghe, đại loại, //  
Dù không chỗ trú / vẫn có thể có.

IX.5. Nhờ thứ kia nên / hiện rõ cái này, //  
Nhờ cái này nên / hiện rõ thứ kia. //  
Thứ kia không có, / đâu cái gì có? //  
Cái này không có, / thứ gì có được?

IX.6. “Ở trước hết thấy / thấy và đại loại //  
Tuy không có gì / là cái có trước, //  
Thấy và đại loại / vẫn từng thứ một, //  
Ở từng thời điểm, / mà làm hiện ra.”

IX.7. Ở trước hết thấy / thấy và đại loại //  
Đã không có gì / là cái có trước, //  
Thấy và đại loại, / từng thứ riêng lẻ, //  
Cái có trước này / làm sao có được?

IX.8. Giả sử người thấy / chính là người nghe, //  
Và cũng chính là / người có cảm thọ, //  
Vậy phải có trước / mỗi một thứ này. //  
Nhưng mà như vậy / thật là phi lý.

IX.9. Giả sử người thấy / khác với người nghe, //  
Và cũng khác với / người có cảm thọ, //  
Vậy có người thấy, / cũng có người nghe, //  
Thành ra phải có / rất nhiều cái ngã.

IX.10. Thấy, nghe, đại loại, //  
Và thọ các thứ, //  
Đều là từ nơi / tứ đại sinh ra, //  
Kể cả chỗ này / cũng vẫn không có.

IX.11. Thấy, nghe, đại loại, //  
Và thọ các thứ, //  
Thứ chúng thuộc về / đã là không có, //  
Vậy bản thân chúng / cũng đều không có.

IX.12. Thứ gì đối với / thấy và đại loại, //  
Trước, sau, cùng lúc / đều là không phải //  
Thì ngay chỗ ấy, / mọi niệm phân biệt, //  
Là có, là không, / hết thảy đoạn lìa.

*Đến đây hết chương 9, tên là Quán Chỗ Trú Trước*

## **X. QUÁN CỬ VÀ LỬA**

X.1. Nếu như củi này / chính là lửa ấy, //  
Vậy thì chủ thể / đối tượng thành một. //  
Nếu như lửa này / khác với củi ấy, //  
Vậy thì không củi / lửa vẫn phát sinh.

X.2. Lửa sẽ lúc nào / cũng luôn là cháy, //  
Không từ cái nhân / làm cháy sinh ra. //  
Nên việc khơi lửa / trở thành vô nghĩa, //  
Đã vậy thì nghiệp / cũng đều không có.

X.3. Vì không tùy thuộc / vào thứ gì khác, //  
Nên không từ nhân / làm cháy sinh ra. //  
Nếu như lúc nào / cũng luôn là cháy //  
Thì việc khơi lửa / trở thành vô nghĩa.

X.4. Nếu nghĩ như vậy / rồi lại thấy rằng //  
Sự đốt này đây / chính là củi đốt, //  
Nhưng nếu nó chỉ / đơn thuần là thể, //  
Thì biết lấy gì / đốt cháy củi đây?

X.5. Khác thì không chạm. / Không chạm nhau thì //  
Không có đốt cháy. / Không đốt cháy thì //  
Không có tàn lụi. / Không tàn lụi thì //  
Tự tướng thể nào / cũng sẽ y nguyên.

X.6. [Ông nói] Cũng giống / như nữ và nam: //  
Nữ chạm vào nam, / hay nam chạm nữ. //  
Lửa nếu như là / khác với củi cháy, //  
Thì củi và lửa / có thể chạm nhau.

X.7. Giả sử lửa này / cùng với củi ấy, //  
Cái này mâu thuẫn / loại trừ cái kia, //  
Có là như vậy / mới có thể nói //  
Củi lửa khác nhau / nhưng vẫn chạm nhau.

X.8. Nếu như có lửa / là nhờ vào củi, //  
Và nếu có củi / là nhờ vào lửa, //  
Vậy lửa và củi / nhờ đâu mà có? //  
Thứ nào có trước?

X.9. Nếu như lửa này / có nhờ củi kia, //  
Vậy lửa có rồi / mà lại có nữa, //  
Và cũng sẽ có / đối tượng là củi //  
Mà không có lửa.

X.10. Nếu có thứ gì / có nhờ tùy thuộc, //  
Nhưng lại tùy thuộc / vào chính cái thứ //  
Có được là nhờ / tùy thuộc vào nó, //  
Vậy tùy cái gì / mà có gì đây?

X.11. Đâu có thứ gì / có nhờ tùy thuộc? //  
Nếu như chưa có / làm sao tùy thuộc? //  
Nếu như đã có / mà còn tùy thuộc, //  
Chẳng phải là điều / phi lý lắm sao?

X.12. Không có lửa nào / là tùy vào củi, //  
Không tùy vào củi / thì lửa cũng không. //  
Không có củi nào / là tùy vào lửa, //  
Không tùy vào lửa / thì củi cũng không.

X.13. Lửa này không đến / từ những thứ khác, //  
Lửa cũng không hề / có ở nơi củi. //  
Tương tự như củi, / những thứ còn lại //  
Đều đã nói trong / “đã, chưa, đang đi.”

X.14. Lửa này không phải / chính là củi ấy, //  
Nhưng ngoài củi ra / thì lửa cũng không. //  
Lửa này không phải / là có củi ấy. //  
Trong lửa không củi / trong củi không lửa.

X.15. Nhờ lửa và củi / cho nên quá trình //  
Của ngã và thủ / đầy đủ trọn vẹn //  
Cùng với các thứ / như bình, hay vải //  
Không sót thứ gì / đều được giải thích.

X.16. Ai người thuyết rằng / ngã cùng các pháp //  
Vốn là đồng nhất, / hay là dị biệt, //  
Thì người như vậy, / giáo pháp [Phật] dạy, //  
Tôi không nghĩ rằng / người ấy khéo hiểu.

*Đến đây hết chương 10, tên là Quán Củi Và Lửa*

## **XI. QUÁN TRƯỚC VÀ SAU**

XI.1. Hỏi: điểm khởi thủy / có biết được chăng? //  
Đức Đại Mâu Ni / đáp rằng không thể: //  
Luân hồi này vốn / không trước, không sau, //  
Không có khởi đầu / cũng không kết thúc.



XI.2. Khởi đầu kết thúc / nếu đã không có, //  
Vậy biết lấy gì / để có đoạn giữa? //  
Thế nên trước, sau, / hay là cùng lúc, //  
Đều không thể có.

XI.3. Giả sử trước sinh, //  
Sau mới già, chết. //  
Vậy phải có sinh / mà không già chết, //  
Và không già chết / mà vẫn có sinh.

XI.4. Giả sử sinh sau, //  
Già chết có trước. //  
Nhưng già và chết / mà không có sinh //  
Thì không có nhân, / làm sao mà có?

XI.5. Sinh và già chết //  
Cũng không thể nào / có cùng một lúc, //  
Bằng không sinh ra / đã là chết đi, //  
Và cả hai đều / sẽ thành không nhân.

XI.6. Những thứ mà dù / là trước, hay sau, //  
Hay là cùng lúc, / đều không thể có. //  
Đã vậy thì sinh, / hay là già chết, //  
Cớ gì cứ phải / động niệm phân biệt!

XI.7. Không chỉ luân hồi //  
Mới là không có / khởi đầu, kết thúc, //  
Cả nhân và quả //  
Tự tướng cùng với / nền tảng của tướng,

XI.8. Cảm thọ cùng với / người có cảm thọ, //  
Bao nhiêu hữu pháp, / bất kể thứ gì, //  
Đều là như vậy, //  
Không có khởi điểm.

*Đến đây hết chương 11, tên là Quán Trước Và Sau*

## **XII. QUÁN TỰ TẠO VÀ THA TẠO**

XII.1. Có người nói rằng / khổ do tự tạo, //  
Hoặc do tha tạo, / hoặc do cả hai. //  
Hoặc là nói khổ / không nhân mà tạo, //  
Những việc như vậy / đều không hợp lý.

XII.2. Nếu như khổ ấy / là do tự tạo, //  
Vậy thì không phải / do nhân duyên tạo. //  
Thật ra phải nhờ / khối ngũ uẩn kia, //  
Rồi mới có được / khối ngũ uẩn này.

XII.3. Giả như thứ kia / khác với thứ này, //  
Hay là thứ này / khác với thứ kia, //  
Có vậy thì khổ / mới do tha tạo, //  
Do thứ khác kia / tạo thành thứ này.

XII.4. Nếu nói “là do / cá nhân chính mình //  
Tạo nên khổ đau.” / Nhưng ngoài khổ ra //  
Đâu làm gì có / ai tạo khổ đau //  
Để cho cá nhân / chính mình phải chịu?

XII.5. Nếu nói “là từ / cá nhân nào khác //  
Mà có khổ đau.” / Nhưng ngoài khổ ra //  
Đâu thể nào có / cá nhân nào khác //  
Để mà nhận lấy / khổ đau được cho?

XII.6. Nếu nói “khổ là / của cá nhân khác.” //  
Nhưng ngoài khổ ra / đâu làm gì có //  
Cá nhân nào khác / tạo nên khổ đau //  
Rồi đưa khổ ấy / cho ai khác chịu?

XII.7. Khổ tự mình tạo / vốn đã không thành, //  
Làm sao có khổ / do người khác tạo? //  
Khổ đau nào là / do người khác tạo, //  
Với người khác ấy / chính là tự tạo.

XII.8. Trước hết không có / khổ đau tự tạo: //  
Không gì có thể / tự tạo chính mình. //  
Nếu không ai khác / tạo nên khổ này, //  
Thì khổ tha tạo / tìm đâu cho có.

XII.9. Phải là hai bên / mỗi bên đều tạo //  
Thì mới có khổ / đến từ cả hai. //  
Đã không tự tạo / cũng không tha tạo, //  
Khổ đau không nhân / tìm đâu cho có?

XII.10. Không chỉ có khổ //  
Là không hiện hữu / qua bốn cách này, //  
Hết thấy ngoại vật / cũng là như vậy, //  
Không hề hiện hữu / qua bốn cách này.

*Đến đây hết chương 12, tên là Quán Tự Tạo Và Tha Tạo*

### **XIII. QUÁN PHÁP HỮU VI**

XIII.1. Đức Phật dạy rằng //  
Pháp nào hư vọng pháp ấy là giả. //  
Các pháp hữu vi / đều là hư vọng //  
Nên đều là giả.

XIII.2. Nếu như bất cứ / pháp hư vọng nào //  
Cũng đều là giả, / vậy cái gì vọng? //  
Đức Phật Thế tôn / thuyết giảng điều ấy, //  
Chính để khai thị / ý nghĩa tánh không.

XIII.3. Nói rằng sự vật / đều không có tánh //  
Vì thấy [thứ này] / biến thành thứ khác. //  
Nhưng không thứ gì / là không có tánh, //  
Bởi vì mọi thứ / đều có tánh không.

XIII.4. Nếu như sự vật / đều không có tánh, //  
Vậy thì cái gì / biến thành thứ khác? //  
Nhưng nếu sự vật / đều là có tánh, //  
Làm sao có thể / biến thành thứ khác?

XIII.5. Ở chỗ sự vật / không có biến đổi; //  
Ở chỗ đổi khác / cũng không biến đổi. //  
Là vì trẻ thì / không biến thành già, //  
Mà già thì cũng / không biến thành già.

XIII.6. Nếu chính sự vật / biến thành thứ khác, //  
Vậy thì sữa cũng / chính là sữa chua. //  
Nhưng ngoài sữa ra / đâu còn gì khác, //  
Để mà biến đổi / thành ra sữa chua.

XIII.7. Nếu có chút gì / không phải là không, //  
Thì sẽ có được / chừng nấy pháp không. //  
Nhưng đã không gì / không phải là không, //  
Vậy pháp không này / tìm đâu cho có.

XIII.8. Chư Phật tối thắng / thuyết rằng tánh không //  
Là để giúp ta / thoát mọi chấp kiến. //  
Nếu như có ai / chấp vào không kiến, //  
Người ấy sẽ không / thành tựu được gì.

*Đến đây hết chương 13, tên là Quán Pháp Hữu Vi*

#### **XIV. QUÁN SỰ TIẾP XÚC**

XIV.1. Cái được thấy và / cái thấy, người thấy. //  
Bộ ba này dù / riêng lẻ từng cặp, //  
Hay dù gộp lại / đủ hết cả ba, //  
Cũng không thể nào / tiếp xúc với nhau.

XIV.2. Tương tự như vậy, / tham và người tham, //  
Cùng với đối tượng / của lòng tham muốn, //  
Các phiền não khác, / các giới còn lại, //  
Đều áp dụng cùng / ba cách như trên.

XIV.3. Phải có khác nhau / mới có tiếp xúc. //  
Vì thế cho nên / cái thấy các thứ //  
Vì không khác nhau //  
Nên không tiếp xúc.

XIV.4. Không chỉ riêng gì / được thấy, cái thấy, //  
Cùng với người thấy / là không khác nhau, //  
Bất kể thứ gì / đã là đồng loạt //  
Mà lại khác nhau / là không đúng lý.

XIV.5. Khác được là nhờ / khác với cái khác. //  
Không có cái khác / thì khác với ai? //  
Thứ gì phải nhờ / thứ khác mới có, //  
Với thứ khác ấy / không thể khác nhau.

XIV.6. Giả sử khác ấy / khác với cái khác, //  
Khi ấy không cần / cái khác vẫn khác. //  
Nhưng không cái khác, / làm sao có khác? //  
Vì thế cho nên / khác ấy không có.

XIV.7. Sự khác không có / ở nơi cái khác, //  
Và cũng không có / ở cái không khác. //  
Nếu như sự khác / đã là không có, //  
Là khác, là mình, / cũng đâu thể có.

XIV.8. Là mình thì không / tiếp xúc với mình, //  
Là khác cũng không / tiếp xúc thứ khác. //  
Sự đang tiếp xúc, / cái được tiếp xúc, //  
Và người tiếp xúc / đều là không có.

*Đến đây hết chương 14, tên là Quán Sự Tiếp Xúc*

## **XV. QUÁN TỰ TÁNH**

XV.1. Tự tánh mà từ / nhân duyên sinh ra //  
Thì chuyện như vậy / thật là vô lý. //  
Tự tánh nào từ / nhân duyên sinh ra, //  
Tự tánh ấy phải / là thứ được tạo.

XV.2. Được tạo mà gọi / là có “tự tánh,” //  
Nói vậy làm sao / đúng lý cho đặng. //  
Có tự tánh thì / không cần ai tạo, //  
Cũng không tùy vào / bất cứ gì khác.

XV.3. Tự tánh nếu đã / không phải là có, //  
Vậy thì tha tánh / làm sao có được? //  
Cái được gọi là / “tha tánh” chẳng qua //  
Chỉ là tự tánh / của tha tánh ấy.

XV.4. Trừ hết tự tánh / và tha tánh ra, //  
Thì sự vật biết / tìm đâu cho có? //  
Phải có tự tánh / cùng với tha tánh, //  
Rồi ra sự vật / mới có thể thành.

XV.5. Nếu như thứ có / vốn đã không thành, //  
Vậy thứ không có / cũng không thể thành. //  
Thứ có một khi / trở thành thứ khác, //  
Thì kẻ phàm phu / gọi là không có.

XV.6. Ai người thấy có / tự tánh, tha tánh, //  
Hay thấy sự vật / là có, là không. //  
Thì người như vậy / không phải là người //  
Thấy đúng như thật / giáo pháp của Phật.

XV.7. Thế tôn thấu triệt / về có và không, //  
Nên ở trong kinh / Hóa Ca Chiên Duyên //  
Có câu dạy rằng: / Có và không có, //  
Cả hai điều này / đều phải diệt bỏ.

XV.8. Nếu đã là do / tự tánh mà có, //  
Sẽ không thể nào / trở thành không có. //  
Tự tánh thì không / bao giờ có thể //  
Trở thành thứ khác.

XV.9. Nếu tự tánh đã / không phải là có, //  
Vậy thì cái gì / trở thành thứ khác? //  
Nếu có tự tánh / đúng thật là có, //  
Làm sao có thể / trở thành thứ khác?

XV.10. Nói “có” thì đó / là chấp thường kiến, //  
Nói “không” thì đó / là chấp đoạn kiến. //  
Vì thế cho nên / ai người có trí //  
Cả có lẫn không / đều không trú ở.

XV.11. “Thứ gì thật sự / là có tự tánh //  
Thì chẳng phải không, / đó là thường kiến. //  
Còn nếu nói rằng / “trước có nay không” //  
Thì nói như vậy / ắt là đoạn kiến.

*Đến đây hết chương 15, tên là Quán Tự Tánh*

## **XVI. QUÁN VỀ BUỘC VÀ THOÁT**

XVI.1. Giả sử nói rằng / hữu vi luân hồi. //  
Nhưng nếu là thường / thì không luân hồi, //  
Còn nếu vô thường / cũng không luân hồi. //  
Đối với chúng sinh / cũng là như vậy.

XVI.2. Giả sử nói rằng / cá nhân luân hồi. //  
Nhưng cá nhân này / tìm đủ năm cách //  
Ở nơi các uẩn, / giác quan, giới chủng, //  
Vẫn không tìm thấy / lấy ai luân hồi?

XVI.3. Nếu cứ xoay vần / hết thủ lại thủ, //  
Vậy thì đời sống / cũng là không có. //  
Đời sống không có, / mà thủ cũng không, //  
Đã vậy thử hỏi / cái gì luân hồi?

XVI.4. Là pháp hữu vi / mà đạt niết bàn, //  
Đâu có lý nào / lại là như vậy. //  
Là chúng sinh mà / cũng đạt niết bàn, //  
Đâu có lý nào / có chuyện như vậy.

XVI.5. Các pháp hữu vi / có sinh, có hoại, //  
Không buộc, không thoát. //  
Như trước đã nói, / chúng sinh cũng vậy, //  
Không buộc không thoát.

XVI.6. Giả sử nói rằng / thủ chính là buộc. //  
Nhưng người nào thủ / thì không bị buộc, //  
Người nào không thủ / cũng không bị buộc, //  
Vậy trường hợp nào / mới là bị buộc?

XVI.7. Cái buộc phải có / trước cái bị buộc //  
Thì mới có thể / buộc cái bị buộc. //  
Nhưng không phải vậy. / Những thứ còn lại //  
Đã giải thích trong / đã, đang, chưa đi.

XVI.8. Cái gì có buộc / thì không có thoát. //  
Cái không có buộc / cũng không có thoát. //  
Còn nếu cứ thoát / cái đang bị buộc, //  
Thì buộc và thoát / thành cùng một lúc.

XVI.9. “Tôi thoát khổ đau / nhờ không chấp thủ, //  
Rồi niết bàn này / sẽ là của tôi!” //  
Ai người giữ lấy / ý nghĩ như vậy, //  
Mới thật đúng là / kẻ đại chấp thủ.

XVI.10. Khi đã không thể / làm nên niết bàn, //  
Và cũng không thể / làm sạch luân hồi. //  
Vậy luân hồi này / là cái gì đây? //  
Niết bàn kia lại / là khái niệm gì?

*Đến đây hết chương 16, tên là Quán Về Buộc Và Thoát*

## **XVII. QUÁN VỀ NGHIỆP VÀ NGHIỆP QUẢ**

XVII.1. Khéo léo hàng phục / bản thân chính mình, //  
Với tâm từ ái / làm lợi chúng sinh: //  
Thiện pháp này đây / đều là hạt giống, //  
Đời này kiếp sau / mang đến quả lành.

XVII.2. Đại thánh dạy rằng / nghiệp có hai loại: //  
Là tư, hay là / do tư tác động. //  
Biệt tướng của nghiệp //  
Đều được giải thích / qua nhiều khía cạnh.

XVII.3. Đức Phật thuyết rằng / nghiệp gọi là “tư” //  
Là nghiệp đến từ / hoạt động của ý. //  
Còn nghiệp gọi là / “do tư tác động” //  
Đều thuộc phạm vi / của thân và khẩu.

XVII.4. Nghiệp của lời nói; / nghiệp của việc làm; //  
Loại không tạo tác / không thể nhìn thấy; //  
Loại có tạo tác / không thể nhìn thấy; //  
Cùng những thứ khác / tương tự như vậy;

XVII.5. Loại từ thọ dụng / sinh ra phước đức; //  
Loại từ thọ dụng / sinh ra tội nghiệp; //  
Cộng thêm với tư, //  
Như vậy là đủ / bày tướng của nghiệp.

XVII.6. Nghiệp nếu trú cho / đến khi trở quả //  
Thì phải thường còn. //  
Nghiệp nếu đoạn diệt, / thì đoạn diệt rồi //  
Làm sao sinh quả?

XVII.7. Chối non các thứ / một dòng tương tục //  
Do hạt sinh ra, //  
Từ đó có quả. //  
Không hạt đi trước / thì quả cũng không.

XVII.8. Từ hạt nên mới / có dòng tương tục; //  
Từ tương tục này / có quả sinh ra. //  
Hạt đi trước quả, //  
Cho nên không đoạn / mà cũng không thường.

XVII.9. Tương tự như vậy / dòng tâm tương tục //  
Do tư sinh ra, //  
Từ đó có quả. //  
Không tư đi trước / thì quả cũng không.

XVII.10. Từ tư nên mới / có tâm tương tục, //  
Từ tương tục này / có quả sinh ra. //  
Nghiệp đi trước quả, //  
Cho nên không đoạn / mà cũng không thường.

XVII.11. Mười đạo thiện nghiệp, //  
Đây là phương thức / thành tựu thiện pháp. //  
Thiện báo hưởng được / đời này kiếp sau //  
Là phước ngũ dục.

XVII.12. [Nếu như ông nói] / “phân tích như vậy //  
Vướng nhiều lỗi lớn //  
Lỗi phân tích ấy //  
Áp dụng ở đây / là không đúng lý.”

XVII.13. Vậy thì Phật đà, / độc giác, thanh văn, //  
Đã nói những gì //  
Mới thật đúng lý / cho trường hợp này, //  
Để tôi nói lại / cho các ông nghe.

XVII.14. Nghiệp này cũng giống / như là món nợ //  
Ghi trên sổ nợ / không bao giờ mất, //  
[Sự không mất này] / tùy theo các cõi / mà có bốn loại, //  
Bản tánh của nó / vốn là vô ký.

XVII.15. Xả bằng sự xả / không phải là xả. //  
Là xả thì phải / xả bằng sự tu, //  
Thế nên vì bởi / cái sự không mất //  
Mà sinh nghiệp quả.

XVII.16. Nếu xả bằng xả, //  
Hay nếu như là / phá bằng chuyển nghiệp, //  
Sẽ phạm các lỗi //  
Phá nghiệp vân vân.

XVII.17. Hết thấy các nghiệp / ở trong cõi nào, //  
Dù là tương ứng, / hay không tương ứng, //  
Vào lúc thọ sinh //

Chỉ một thứ khởi.

XVII.18. Trong kiếp hiện tiền, //  
Nghiệp cả hai loại / cùng sự không mất, //  
Đều từng cái một / riêng lẽ sinh ra, //  
Dù quả đã chín / cũng vẫn tồn tại.

XVII.19. [Sự không mất này] / diệt khi thành quả, //  
Hay là khi chết. //  
Phải biết điều này / phân loại có hai: //  
Một là vô lậu / hai là hữu lậu.

XVII.20. Tánh không không đoạn; //  
Luân hồi không thường; //  
Nghiệp không mất đi; //  
Là pháp Phật dạy.

XVII.21. Bởi nghiệp không sinh //  
Nên không tự tánh, //  
Bởi nghiệp không sinh //  
Nên không mất đi.

XVII.22. Nếu có tự tánh / ắt phải thường còn, //  
Điều này chắc chắn, / không chút hoài nghi. //  
Đã vậy thì nghiệp / không thể tạo ra, //  
Là vì thường còn / thì không thể tạo.

XVII.23. Từ đó suy ra / nghiệp không tạo mà //  
Vẫn phải sợ quả / của nghiệp không làm; //  
Trú ở phạm hạnh //  
Mà vẫn vướng lỗi / phá phạm tịnh hạnh.

XVII.24. Nếu thế thì mọi / quy ước thế gian, //  
Không chút nghi ngờ, // ắt cũng bị phá, /  
Dù là làm phước hay / là làm ác //  
Cũng không cách gì / phân biệt cho được.

XVII.25. Nghiệp trở quả rồi //  
Sẽ cứ trở mãi, //  
Là vì nếu nghiệp / mà có tự tánh //  
Thì phải trường tồn.

XVII.26. Phiền não chính là / ngã tánh của nghiệp. //  
Nhưng phiền não ấy / lại không có thật. //  
Nếu như phiền não / đã là không thật, //  
Nghiệp biết lấy gì / để mà thật có?

XVII.27. Đức Phật dạy rằng / nghiệp và phiền não //  
Chính là duyên tố / làm cho có thân. //  
Nghiệp với phiền não / đã là không có, //  
Vậy thì thân kia / phải nói thế nào?

XVII.28. Vô minh che khuất, //



Ái kết buộc ràng, //  
Người thợ nghiệp so / với người tạo nghiệp. //  
Không phải khác nhau / cũng không giống nhau.

XVII.29. Vậy thì nghiệp này //  
Không khởi sinh từ / chỗ có duyên sinh; //  
Không khởi sinh từ / chỗ không duyên sinh; //  
Nên người tạo nghiệp / cũng là không có.

XVII.30. Đã không có nghiệp / hay người tạo nghiệp, //  
Thì đâu có quả / từ nghiệp sinh ra. //  
Và nếu quả báo / đã là không có, //  
Thì đâu có ai / là người chịu quả.

XVII.31. Tựa như Bốn Sư / vận dụng thân thông //  
Hóa hiện thân huyễn, //  
Từ thân huyễn này / lại hóa hiện thành //  
Một thân huyễn khác.

XVII.32. Người tạo nghiệp và / nghiệp người ấy tạo, //  
Cũng tương tự như / cảnh hóa hiện này. //  
Cũng giống như là / từ một huyễn cảnh //  
Mà hóa hiện thành / một huyễn cảnh khác.

XVII.33. Phiền não, nghiệp, thân, //  
Người tạo nghiệp và / quả báo của nghiệp, //  
Đều như thành quách / của Càn thất bà, //  
Như là ảo ảnh / như là chiêm bao.

*Đến đây hết chương 17, tên là Quán Về Nghiệp Và Nghiệp Quả*

## **XVIII. QUÁN NGÃ VÀ PHÁP**

XVIII.1. Nếu nói cái tôi / chính là các uẩn, //  
Vậy thì cái tôi / có sinh có diệt. //  
Nếu nói cái tôi / khác với các uẩn, //  
Vậy thì không có / tướng của các uẩn.

XVIII.2. Cái tôi nếu như / đã là không có, //  
Vậy đâu có gì / là “cái của tôi.” //  
Tôi và của tôi / một khi yên lặng, //  
Thì không còn chấp / tôi và của tôi.

XVIII.3. Người không chấp tôi, / không chấp của tôi, //  
Thì người như vậy / cũng không hiện hữu. //  
Thấy người không chấp / tôi và của tôi, //  
Ai thấy như vậy / cũng là không thấy.

XVIII.4. Nếu trong và ngoài //  
Tôi và của tôi / đều cùng diệt tận, //  
Như vậy thì thủ / cũng sẽ diệt tận. //  
Thủ diệt tận thì / sinh cũng diệt tận.

XVIII.5. Nghiệp, phiền não tận / thì đạt giải thoát. //  
Nghiệp phiền não từ / niệm tưởng sinh ra. //  
Niệm tưởng đến từ / động tâm phân biệt. //  
Động tâm phân biệt / dứt nhờ tánh không.

XVIII.6. Phật cũng nói “ngã,” //  
Cũng dạy “vô ngã,” //  
Và cũng dạy rằng //  
“Không có gì là / “ngã,” hay “vô ngã.”

XVIII.7. Đường ngôn ngữ đoạn //  
Bởi vì nơi chốn / tâm hành đã dứt: //  
Không sinh không diệt, //  
Tánh của các pháp / như tánh niết bàn.

XVIII.8. Tất cả là [1] thật; và là [2] không thật; //  
Là [3] vừa là thật / vừa là không thật; //  
[4] Vừa không không thật / vừa không là thật; //  
Cứ thế Phật dạy / từng bước như vậy.

XVIII.10. Đã khởi sinh nhờ / tùy thuộc thứ gì, //  
Thì trước hết không / phải là thứ ấy, //  
Cũng không phải là / khác với thứ ấy, //  
Cho nên không đoạn / mà cũng không thường.

XVIII.11. Đây là mùi vị / giáo lý cam lồ //  
Của khắp chư Phật / cứu độ thế gian: //  
Không một, không khác, //  
Không đoạn, không thường.

XVIII.12. Phật Chánh biến tri / dù không xuất thế, //  
Và chư Thanh văn / dù có diệt tận, //  
Trí Phật Độc giác //  
Không Thầy, vẫn sinh.

Đến đây hết chương 18, tên là Quán Ngã Và Pháp

## **XIX. QUÁN THỜI GIAN**

XIX.1. Giả sử cần phải / dựa vào quá khứ //  
Mới có hiện tại / cùng với vị lai, //  
Vậy thì hiện tại / cùng với vị lai //  
Lẽ ra phải có / trong thời quá khứ.

XIX.2. Nếu như không có //  
Hiện tại vị lai / trong thời quá khứ, //  
Vậy thì hiện tại / cùng với vị lai //  
Làm sao có thể / dựa vào quá khứ.

XIX.3. Không dựa quá khứ //  
Thì cả hai thời / đều không thể thành. //  
Vì thế cho nên / dù là hiện tại //  
Hay là vị lai / cũng đều không có.

XIX.4. Phải biết áp dụng / cùng cách này cho //  
Hai thời còn lại, / cũng áp dụng cho //  
Sự cao, thấp, vừa, / các thứ vân vân, //  
Và sự đồng nhất, / các thứ vân vân.

XIX.5. Thời gian không đứng / thì không thể giữ. //  
Thời gian giữ được / thì không đứng lại. //  
Thời gian nếu đã / không thể nắm giữ, //  
Làm sao lập danh?

XIX.6. Thời gian nếu như / phải tùy sự vật //  
Vậy là sự vật / đâu còn thời gian. //  
Sự vật thứ gì / cũng đều không có, //  
Vậy biết lấy gì / để có thời gian?

*Đến đây hết chương 19, tên là Quán Thời Gian*

## **XX. QUÁN DUYÊN HỢP**

XX.1. Nếu từ tổ hợp / của nhân và duyên //  
Mà sinh ra quả, //  
Trong tổ hợp này / quả nếu đã có, //  
Thì đâu thể từ / tổ hợp sinh ra.

XX.1. Nếu từ tổ hợp / của nhân và duyên //  
Mà sinh ra quả, //  
Trong tổ hợp này / quả nếu chưa có, //  
Thì đâu thể từ / tổ hợp sinh ra.

XX.3. Nếu trong tổ hợp / của nhân và duyên //  
Quả đã sẵn có, / như vậy lẽ ra //  
Phải thấy được quả / bên trong tổ hợp. //  
Nhưng trong tổ hợp / không thấy được quả.

XX.4. Nếu trong tổ hợp / của nhân và duyên //  
Quả không sẵn có, //  
Vậy nhân duyên ấy //  
Cũng giống như là / không phải nhân duyên.

XX.5. Nếu như là nhân / tận diệt sau khi //  
Đưa nhân cho quả, //  
Vậy thì nhân này / phải có hai tánh: //  
Một cho, một diệt.

XX.6. Nếu như là nhân / tận diệt trước khi //  
Đưa nhân cho quả, //  
Vậy thứ quả sinh / từ nhân đã diệt //  
Là quả không nhân.

XX.7. Nếu như quả với / tổ hợp nhân duyên //  
Là sinh cùng lúc, / vậy thì vô lẽ //  
Cái làm cho sinh / và cái được sinh //  
Là có cùng lúc.

XX.8. Nếu như trước khi / nhân duyên hòa hợp //  
Là đã có quả, //  
Quả không nhân duyên / thì phải là quả //  
Không nhân mà có.

XX.9. Nếu nói nhân diệt //  
Chuyển sang thành quả, //  
Vậy thì vô lễ //  
Nhân trước sinh rồi / lại sinh ra nữa.

XX.10. Nhân đã diệt rồi //  
Đâu có khả năng / sinh ra được quả, //  
Nhân còn tồn tại / đi liền với quả, //  
Cũng đâu làm sao / sinh ra được quả.

XX.11. Nhưng nếu quả không / đi liền với nhân //  
Thì có quả nào / để mà sinh ra. //  
Dù có thấy quả, / hay không thấy quả, //  
Quả ấy, nhân này / không thể sinh ra.

XX.12. Quả ở quá khứ / thì không thể nào //  
Hòa hợp với nhân / ở trong quá khứ, //  
Hay là với nhân / chưa được sinh ra, //  
Hay là với nhân / đang được sinh ra.

XX.13. Quả đang sinh ra / thì không thể nào //  
Hòa hợp với nhân / chưa được sinh ra, //  
Hay là với nhân / ở trong quá khứ, //  
Hay là với nhân / đang được sinh ra.

XX.14. Quả chưa sinh ra / thì không thể nào //  
Hòa hợp với nhân / đang được sinh ra, //  
Hay là với nhân / chưa được sinh ra, //  
Hay là với nhân / ở trong quá khứ.

XX.15. Nếu không hòa hợp //  
Vậy thì nhân kia / làm sao sinh quả? //  
Nếu có hòa hợp //  
Vậy thì nhân kia / làm sao sinh quả?

XX.16. Nếu như nhân này, / quả nó là không, //  
Vậy thì làm sao / sinh ra được quả? //  
Nếu như nhân này, / quả không là không, //  
Vậy thì làm sao / sinh ra được quả?

XX.17. Quả không là không / thì không thể sinh. //  
Quả không là không / thì không thể diệt. //  
Không phải là không, / thì ắt phải là //  
Không sinh không diệt.

XX.18. Nếu như là không / làm sao sinh ra? //  
Nếu như là không / làm sao diệt mất? //  
Nếu quả là không / thì ắt phải là //

Không sinh, không diệt.

XX.19. Đâu có lẽ nào //  
Mà nhân với quả / lại chỉ là một. //  
Đâu có lẽ nào //  
Mà nhân với quả / lại là khác nhau.

XX.20. Nếu nhân với quả / mà chỉ là một, //  
Sinh và được sinh / cũng phải là một. //  
Nếu nhân với quả / mà khác với nhau, //  
Có nhân, không nhân / thành giống như nhau.

XX.21. Nếu như quả này / là có tự tánh, //  
Thử hỏi nhân kia / sinh được gì đây? //  
Nếu như quả này / là không tự tánh, //  
Thử hỏi nhân kia / sinh được gì đây?

XX.22. Không phải là thứ / tạo sinh ra quả //  
Thì đâu lẽ nào / mà lại là nhân. //  
Nhân ấy nếu như / đã không thể có, //  
Thử hỏi quả là / quả của cái gì?

XX.23. Bất cứ tổ hợp //  
Nào của nhân duyên, //  
Nếu như chính mình / đã không tự sinh //  
Vậy thì làm sao / sinh ra được quả?

XX.24. Thế nên duyên hợp / không sinh ra quả, //  
Cũng không quả nào / do bất hợp sinh. //  
Quả này nếu như / đã là không có, //  
Vậy có gì là / tổ hợp của duyên.

*Đến đây hết chương 20, tên là Quán Duyên Hợp*

## **XXI. QUÁN THÀNH VÀ HOẠI**

XXI. 1. Hoại thì cho dù / là không có thành, //  
Hay cùng với thành / cũng đều không có. //  
Thành thì cho dù / là không có hoại, //  
Hay cùng với hoại / cũng đều không có.

XXI. 2. Đâu thể có hoại //  
Mà không có thành. //  
Đâu có thứ gì / không sinh mà chết? //  
Nên không có thành / thì không có hoại.

XXI.3. Đâu thể có hoại //  
Cùng lúc với thành. //  
Đâu có thứ gì / mà lại có thể //  
Chết đi sinh ra / trong cùng một lúc.

XXI.4. Đâu thể có thành //  
Mà không có hoại. //

Đâu có thứ gì / mà lại không phải //  
Là thứ vô thường.

XXI.5. Đâu thể có thành //  
Cùng lúc với hoại: //  
Đâu có thứ gì / mà lại có thể //  
Sinh ra chết đi / trong cùng một lúc.

XXI.6. Những thứ cho dù //  
Có cùng một lúc / hay không cùng lúc //  
Đều cũng không thành //  
Những thứ như vậy / làm sao thiết lập?

XXI.7. Nếu như đã tận / thì không có thành. //  
Cho dù chưa tận / cũng không có thành. //  
Nếu như đã tận / thì không có hoại. //  
Cho dù chưa tận / cũng không có hoại.

XXI.8. Nếu như sự vật / không phải là có //  
Thì thành và hoại / cũng không là có. //  
Nếu như thành hoại / không phải là có //  
Thì sự vật cũng / không phải là có.

XXI.9. Nếu như là không //  
Thì không lý nào / lại có thành hoại. //  
Không phải là không //  
Cũng không lý nào / lại có thành hoại.

XXI.10. Thành và hoại này //  
Không có lý nào / mà lại là một. //  
Thành và hoại này //  
Không có lý nào / lại là khác nhau.

XXI.11. Thành và hoại này //  
Nếu ông nghĩ rằng “tôi thấy là có” //  
Thành và hoại này //  
Mà thấy là có / là vì ngu si.

XXI.12. Sự vật thì không / sinh từ sự vật //  
Sự vật không sinh / từ không sự vật //  
Không sự vật không sinh / từ không sự vật //  
Không sự vật không / sinh từ sự vật //  
//

XXI.13. Sự vật thì không / sinh từ chính mình. //  
Sự vật cũng không / sinh từ thứ khác. //  
Sinh từ chính mình / hay từ thứ khác //  
Đều là không có, / làm sao sinh ra?

XXI.14. Nếu như khẳng định / sự vật là có, //  
Ắt phải vướng vào / đoạn kiến thường kiến //  
Là vì nếu vậy / thì sự vật ấy //  
Phải vừa thường còn / vừa là vô thường.

XXI.15. Hay là khẳng định / sự vật tuy có, //  
Nhưng không phải đoạn, / cũng không phải thường, //  
Vì chuỗi thành hoại / của nhân và quả //  
Đó là sinh tử.

XXI.16. Nếu chuỗi thành hoại / của nhân và quả //  
Chính là sinh tử //  
Thế nhưng vì hoại / thì không có sinh, //  
Từ đó suy ra / nhân này đoạn diệt.

XXI.17. Sự vật nếu đã / là có tự tánh //  
Thì không lý nào / lại ngưng hiện hữu. //  
Nhưng khi niết bàn / thì phải đoạn diệt, //  
Vì chuỗi sinh tử / đều đã tịnh hết.

XXI.18. Điểm cuối [đời trước] / nếu như đã diệt, //  
Điểm đầu đời [sau] / trở thành phi lý. //  
Điểm cuối [đời trước] / nếu như chưa diệt, //  
Điểm đầu đời [sau] / trở thành phi lý.

XXI.19. Nếu như điểm cuối / [đời trước] đang diệt, //  
Vào lúc điểm đầu / [đời sau] đang sinh, //  
Vậy cái đang diệt / là một thứ này, //  
Mà cái đang sinh / lại là thứ khác.

XXI.20. Nếu như nói rằng / đang diệt đang sinh //  
Xảy ra cùng lúc / thì cũng phi lý. //  
Chẳng lẽ chết đi / với ngũ uẩn nào, //  
Thì lại sinh ra / cũng ngũ uẩn ấy.

XXI.21. Vậy dù ở đâu / trong cả ba thời //  
Chuỗi sinh tử vẫn / là điều là vô lý. //  
Hướng chi là thứ / ba thời không có //  
Làm sao có thể / là chuỗi sinh tử.

*Đến đây hết chương 21, tên là Quán Thành và Hoại*

## **XXII. QUÁN NHƯ LAI**

XXII.1. Không phải là uẩn, / hay khác với uẩn, //  
Không uẩn ở trong, / cũng không trong uẩn, //  
Như lai cũng không / phải là có uẩn, //  
Vậy thì Như Lai / thật ra là gì?

XXII.2. Giả sử Phật vì / dựa vào các uẩn //  
Nên không phải nhờ / tự tánh mà có //  
Đã không phải nhờ / tự tánh mà có //  
Thì đâu thể nhờ / tha tánh mà có.

XXII.3. Thứ gì đã nhờ / tha tánh mà có //  
Thì đâu lý nào / lại có ngã tánh. //  
Thử hỏi một thứ / không có ngã tánh //  
Làm sao có thể / là đấng Như lai?

XXII.4. Nếu như tự tánh / đã là không có //  
Làm sao có thể / có được tha tánh? //  
Tự tánh, tha tánh / đều đã không có //  
Vậy đâu còn gì / để có Như lai?

XXII.5. Dù trước không phải / là tùy nơi uẩn //  
Mà có Như lai, //  
Nhưng nay vẫn là / tùy thuộc nơi uẩn //  
Nên vẫn tùy duyên.

XXII.6. Không tùy các uẩn //  
Thì không làm gì / có được Như lai //  
Thứ không tùy thuộc / thì không thể có //  
Thứ ấy làm sao / thủ [được các uẩn].

XXII.7. Cái bị chấp thủ / đã là không có //  
Thì chấp thủ nào / cũng đều không có. //  
Không có sự thủ //  
Thì đâu làm sao / có được Như lai.

XXII.8. Tìm kiếm như vậy / đủ cả năm cách, //  
Không thấy Như lai / là một hay khác. //  
Vậy thì Như lai / đối với các uẩn //  
Làm sao có thể / gọi là người thủ?

XXII.9. Thứ gì đã là / cái bị chấp thủ //  
Thì không phải là / có nhờ tự tánh. //  
Thứ gì đã không / có nhờ tự tánh //  
Thì không thể nào / có nhờ tha tánh.

XXII.10. Vậy cái bị thủ / cùng với người thủ //  
Xét ở mặt nào / cũng đều là không //  
Như Lai là không / thì đâu thể lấy //  
Cái không để làm / nền tảng lập danh.

XXII.11. Đừng nói là “không,” //  
Hay “không phải không,” //  
Hay là cả hai, / hay không cả hai. //  
Chỉ có thể nói / theo nghĩa giả danh.

XXII.12. Thường và vô thường, / bốn tướng đại loại, //  
Đâu làm gì có / ở trong tịch tịnh. //  
Hữu biên vô biên, / bốn tướng đại loại, //  
Đâu làm gì có / ở trong tịch tịnh.

XXII.13. Ai chấp sâu dày / nói “có Như lai,” //  
Thì người như vậy / sẽ phải nghĩ rằng //  
“Sau khi niết bàn //  
“Không có Như lai.”

XXII.14. Tự tánh đã không, / vậy thì nói rằng //  
Sau khi niết bàn //  
Như lai là có / hay là không có, //



Đều không đúng lý.

XXII.15. Như lai vô tận, / siêu việt niệm tưởng. //  
Ai với Như lai / động niệm phân biệt, //  
Sẽ vì niệm tưởng / làm cho hư hoại, //  
Nên không thể nào / thấy được Như lai.

XXII.16. Tự tánh Như lai / là như thế nào, //  
Thế gian này cũng / cùng tự tánh ấy. //  
Tự tánh Như lai / đều là không có, //  
Chúng sinh này cũng / không có tự tánh.

*Đến đây hết chương 22, tên là Quán Như Lai*

### **XXIII. QUÁN SỰ ĐIÊN ĐẢO**

XXIII.1. Đức Phật dạy rằng / tham sân và si //  
Hết thấy đều do / niệm tưởng mà có. //  
Đều là dựa vào / ưa, ghét, điên đảo //  
Mà phát sinh ra.

XXIII.2. Thứ gì sinh từ //  
Ưa, ghét, điên đảo, //  
Thì không phải là / thứ có tự tánh. //  
Vì vậy phiền não / cũng không có thật.

XXIII.3. Ngã này là có / hay là không có, //  
Làm sao thiết lập? //  
Không lập được ngã, / vậy thì phiền não //  
Có hay không có / làm sao thiết lập?

XXIII.4. Người có phiền não //  
Cũng không thể nào / thiết lập là có: //  
Không có ai là / người có phiền não, //  
Vậy thì phiền não / đâu là của ai.

XXIII.5. Như nhìn thân mình / qua cả năm cách, //  
Phiền não không có / trong tâm phiền não. //  
Như nhìn thân mình / qua cả năm cách, //  
Tâm phiền não không / có trong phiền não.

XXIII.6. Ưa, ghét, điên đảo //  
Không phải là nhờ / tự tánh mà có. //  
Vậy phiền não nào //  
Là nhờ ưa, ghét, / điên đảo mà có?

XXIII.7. Sáu thứ sắc, thanh, //  
Vị, xúc, hương, pháp //  
Đều được xem như / là cơ sở của //  
Tham sân và si.

XXIII.8. Nhưng mà sắc, thanh, //  
Vị, xúc, hương, pháp //

Chỉ giống như là / thành Càn thất bà, //  
Như là ảo ảnh / như là chiêm bao.

XXIII.9. Người thì như huyễn, //  
Vật tựa bóng nước, //  
Những thứ như vậy / thì có cái gì //  
Để mà ưa thích / hay là ghét bỏ?

XXIII.10. Cái gọi là “ưa” //  
Đều dựa cái ghét / để mà lập danh. //  
Cái ghét không thể / tách lìa cái ưa, //  
Nói có cái ưa / là không đúng lý.

XXIII.11. Cái gọi là “ghét” //  
Đều dựa cái ưa / để mà lập danh. //  
Cái ưa không thể / tách lìa cái ghét, //  
Nói có cái ghét / là không đúng lý.

XXIII.12. Không có cái ưa, //  
Vậy biết lấy gì / để mà có tham? //  
Không có cái ghét, //  
Vậy biết lấy gì / để mà có sân?

XXII.13. Giả sử nói rằng / “vô thường thường còn,” //  
Là chấp điên đảo, //  
Nhưng mà trong không / đâu có vô thường, //  
Vậy sự chấp này / có gì điên đảo?

XXIII.14. Giả sử nói rằng / “vô thường thường còn” //  
Là chấp điên đảo, //  
Vậy nói “trong không / không có vô thường,” //  
Chấp này sao lại / chẳng là điên đảo?

XXIII.15. Cái dùng để chấp / cùng với cái chấp, //  
Người chấp cùng với / những gì bị chấp, //  
Hết thấy lắng vào / an nhiên tịch tĩnh. //  
Vì thế cho nên / không có cái chấp.

XXIII.16. Dù là điên đảo / hay là chân thật //  
Chấp đều không có. //  
Vậy đâu có gì / là thứ điên đảo, //  
Cũng đâu có gì / là không điên đảo.

XXIII.17. Điên đảo không sinh //  
Ở nơi điên đảo. //  
Điên đảo không sinh //  
Nơi không điên đảo.

XXIII.18. Điên đảo không sinh //  
Nơi đang điên đảo. //  
Vậy ở chỗ nào / mới có điên đảo? //  
Điều này ông phải / tự mình suy xét.

XXIII.19. Điên đảo nếu như / chưa được sinh ra //  
Thì đâu làm sao / có được hiện hữu. //  
Điên đảo nếu như / không được sinh ra //  
Vậy thì ai mới / là người điên đảo?

XXIII.20. Nếu như sự vật / không có gì sinh //  
Từ nơi chính mình, / hay từ thứ khác, //  
Hay từ chính mình / và từ thứ khác, //  
Vậy người điên đảo / tìm đâu cho ra!

XXIII.21. Ngã, tịnh, thường, lạc, //  
Nếu thật có thì //  
Ngã tịnh thường lạc //  
Không là điên đảo.

XXIII.22. Ngã, tịnh, thường, lạc, //  
Nếu không có thì //  
Vô ngã, bất tịnh, //  
Vô thường, và khổ, / đều là không có.

XXIII.23. Vì thế cho nên / nhờ điên đảo diệt //  
Mà vô minh diệt, //  
Nhờ vô minh diệt //  
Mà pháp hữu vi / đại loại các thứ / cũng đều diệt cả.

XXIII.24. Nếu như phiền não / của bất cứ ai //  
Vì có tự tánh / mà thành thật có, //  
Nếu là như vậy / làm sao dứt bỏ? //  
Thứ gì thật có / đâu ai bỏ được!

XXIII.25. Nếu như phiền não / của bất cứ ai //  
Vì có tự tánh / mà không thật có, //  
Nếu là như vậy / làm sao dứt bỏ? //  
Thứ không thật có / đâu ai bỏ được!

*Đến đây hết chương 23, tên là Quán Sự Điên Đảo*

## **XXIV. QUÁN THÁNH ĐẾ**

XXIV.1. “Nếu những thứ đó / hết thấy đều không //  
“Thì không có sinh / cũng không có diệt. //  
“Nói vậy chẳng lẽ / là đối với ông //  
“Cả Tứ thánh đế / cũng đều là không?”

XXIV.2. “Tứ thánh đế nếu / đã là không có, //  
“Vậy thì tất cả / những việc như là //  
“Sự hiểu, sự bỏ / sự tu, sự chứng, //  
“Đâu có lý nào / lại cũng là không.

XXIV.3. “Những việc ấy nếu / đã là không có, //  
“Vậy thì tứ quả / cũng là không có. //  
“Quả nếu không có, / vậy thì trú quả, //  
“Hay là nhập quả, / cũng đều không có.

XXIV.4. “Tám thánh không có, //  
“Vậy thì Tăng đoàn / cũng là không có. //  
“Thánh đế không có, //  
“Vậy thì diệu Pháp / cũng là không có.

XXIV.5. “Pháp Tăng không có, //  
“Vậy thì thử hỏi / làm sao có Phật? //  
“Dùng lời như vậy / để thuyết tánh không //  
“Là phá Tam bảo!

XXIV.6. “Làm như thế thì / không còn quả báo, //  
“Pháp hay phi pháp, //  
“Quy ước thế gian, //  
“Đều bị phá sạch.”

XXIV.7. [Đáp:] / Tôi nói việc này / chỉ tại nơi ông //  
Chưa hiểu tánh không / vì sao cần thiết, //  
Tánh chất ra sao, / ý nghĩa thế nào, //  
Cho nên mới bị / phá hại như vậy.

XXIV.8. Chư Phật thuyết pháp //  
Đều y cứ theo / hai loại chân lý //  
Là Thế tục đế, //  
Và Thắng nghĩa đế.

XXIV.9. Ai không biết cách //  
Phân biệt nhị đế //  
Thì với giáo pháp / thâm sâu Phật dạy //  
Sẽ không thể nào / biết đúng như thật.

XXIV.10. Không dựa tục đế //  
Thì không thể nào / dạy được thắng nghĩa. //  
Không đắc thắng nghĩa //  
Thì không làm sao / đạt được niết bàn.

XXIV.11. Tánh không này đây / nếu không khéo quán, //  
Ai người trí nhỏ / sẽ bị tổn hại. //  
Giống như bắt rắn / mà không biết cách, //  
Hay dùng bùa chú / mà lại bỏ nhầm.

XXIV.12. Biết rõ pháp này / thật quá thâm sâu, //  
Những người kém trí / khó lòng chứng đắc, //  
Nên đức Mâu ni / trong tim ngại ngần, //  
Không muốn thuyết giảng.

XXIV.13. Những lỗi lầm mà / các ông suy ra, //  
Đối với tánh không / đều không đúng lý. //  
Thứ tánh không mà / các ông bác bỏ, //  
Đừng nên vô lý / ứng vào cho tôi.

XXIV.14. Tánh không có thể //  
Thì hết tất cả / sẽ đều có thể. //  
Tánh không không thể //

Thì hết tất cả / sẽ đều không thể.

XXIV.15. Ông đem lỗi mình //  
Đổ hết cho tôi, //  
Nào có khác gì / người đang cười ngựa //  
Mà lại quên mất / ngựa mình đang cười.

XXIV.16. Các ông thấy rằng //  
Sự vật hiện hữu / vì có tự tánh. //  
Nếu thấy như vậy / nghĩa là các ông //  
Thấy rằng sự vật / không nhân không duyên.

XXIV.17. Đã là như vậy / thì nhân và quả, //  
Người làm, việc làm, / hay công cụ làm, //  
Sinh hay là diệt, //  
Hay là kết quả / đều bị phá sạch.

XXIV.18. Thứ gì duyên sinh, //  
Tôi nói là không, //  
Cũng là giả danh, //  
Đó là trung đạo. //

XXIV.19. Không có pháp gì //  
Không là duyên sinh, //  
Nên không pháp nào //  
Không phải là không.

XXIV.20. Giả sử các pháp / không phải là không, //  
Vậy thì các pháp / không sinh không diệt. //  
Nói vậy vô lễ //  
Cả tứ thánh đế / cũng đều là không?

XXIV.21. Không phải duyên sinh //  
Làm sao có khổ? //  
Đức Phật dạy rằng / khổ là vô thường. //  
Vậy khổ không phải / có nhờ tự tánh.

XXIV.22. Khổ nếu như là / có nhờ tự tánh, //  
Vậy cái gì là / nguyên nhân của khổ? //  
Vì thế cho nên / phá bỏ tánh không //  
Thì cả tập đế / cũng không thể có.

XXIV.23. Nếu như khổ này / là có tự tánh //  
Thì không làm sao / có thể tận diệt. //  
Đã có tự tánh / ắt phải trường tồn, //  
Cho nên diệt đế / cũng sẽ bị phá.

XXIV.24. Đạo có tự tánh //  
Ắt không thể tu. //  
Nhưng nếu đạo là / điều cần phải tu, //  
Vậy thì tự tánh / mà ông nói đó / đạo này không có.

XXIV.25. Khổ đế, tập đế, //

Hay là diệt đế / đã là không có, //  
Vậy thì thử hỏi / đạo nào là đạo //  
Diệt được khổ đau / để mà chứng đắc?

XXIV.26. Nếu sự không hiểu //  
Là có tự tánh, //  
Vậy thì sự hiểu / làm sao có được? //  
Chẳng phải tự tánh / trường tồn hay sao?

XXIV.27. Cũng như sự hiểu, //  
Đọa, chứng và tu / cùng với bốn quả //  
Mà ông nói đó, //  
Đều là không thể.

XXIV.28. Ai người chấp vào / sự có tự tánh, //  
Xin hỏi quả này / nếu có tự tánh //  
Thì quả chưa chứng //  
Làm sao chứng được?

XXIV.29. Quả đã không có, / vậy thì trú quả, //  
Hay là nhập quả, / cũng đều không có. //  
Tám thánh không có, //  
Vậy thì Tăng đoàn / cũng là không có.

XXIV.30. Thánh đế không có, //  
Vậy thì diệu Pháp / cũng là không có. //  
Pháp hay là Tăng / đều là không có, //  
Thử hỏi như vậy / làm sao có Phật?

XXIV.31. Nói như ông nói, / vô lễ không cần //  
Duyên nơi bồ đề / mà vẫn có Phật? //  
Nói như ông nói, / vô lễ không cần //  
Duyên nơi đức Phật / vẫn có bồ đề?

XXIV.32. Tự tánh của ông / đã là như vậy, //  
Cho nên những ai / chưa phải là Phật, //  
Vì quả giác ngộ / tu hạnh bồ tát //  
Cũng không làm sao / đắc quả bồ đề.

XXIV.33. Không có ai làm / bất cứ điều gì //  
Cho dù là pháp, / hay là phi pháp. //  
Không phải là không, / có gì để làm? //  
Tự tánh thì không / có sự tạo tác.

XXIV.34. Cho dù không có / pháp và phi pháp, //  
Nói như ông nói, / quả báo vẫn có. //  
Quả không sinh từ / pháp và phi pháp, //  
Nói như ông nói / thì không có quả.

XXIV.35. Quả sinh ra từ / pháp và phi pháp, //  
Giả sử ông thấy / quả này là có, //  
Đã sinh ra từ / pháp và phi pháp, //  
Quả ấy sao lại / chẳng phải là không?

XXIV.36. Tất cả mọi sự / từ nhân duyên sinh. //  
Tánh không của nó, / ai người phá bỏ, //  
Thì đó cũng là / phá bỏ tất cả //  
Quy ước thế gian.

XXIV.37. Phá bỏ tánh không //  
Thì tạo tác nào / cũng đều không thể. //  
Vô lễ chưa làm / mà vẫn có làm? //  
Không làm mà vẫn / có được người làm?

XXIV.38. Tự tánh nếu có / thì chúng sinh đều //  
Không có sinh diệt, //  
Bất biến trường tồn, //  
Tướng trạng không đổi.

XXIV.39. Không có tánh không //  
Thì quả chưa chứng / sẽ không thể chứng, //  
Khổ không thể diệt, //  
Tất cả phiền não / không thể đoạn lìa.

XXIV.40. Ai thấy được sự / tùy duyên sinh khởi //  
Thì thấy khổ đế, //  
Tập đế, diệt đế, //  
Cùng với đạo đế.

*Đến đây hết chương 24, tên là Quán Thánh Đế*

## **XXV. QUÁN NIẾT BÀN**

XXV.1. Hết thấy mọi sự / nếu đều là không, //  
Thì không có sinh / cũng không có diệt. //  
Vậy cái gì là / phải bỏ, phải diệt //  
Để mà có cái / gọi là niết bàn?

XXV.2. Hết thấy mọi sự / nếu chẳng là không, //  
Thì không có sinh / cũng không có diệt. //  
Vậy cái gì là / phải bỏ phải diệt //  
Để mà có cái / gọi là niết bàn?

XXV.3. Không bỏ, không đắc, //  
Không đoạn, không thường, //  
Không diệt, không sinh, //  
Có như vậy mới / gọi là niết bàn.

XXV.4. Niết bàn không phải / là thứ có thật, //  
Vì không lý nào / có tướng già, chết. //  
Sự vật có thật / đâu có thứ gì //  
Mà lại không có / tướng già và chết.

XXV.5. Giả sử niết bàn / là thứ có thật, //  
Vậy niết bàn phải / là pháp hữu vi. //  
Sự vật có thật / đâu có thứ gì //  
Là pháp vô vi.

XXV.6. Giả sử niết bàn / là thứ có thật, //  
Vậy niết bàn ấy / sao chẳng tùy duyên? //  
Sự vật có thật / đâu có thứ gì //  
Không phải tùy duyên?

XXV.7. Giả sử niết bàn / không là có thật //  
Thì đâu thể nào / là thứ không có. //  
Niết bàn nào đã / không là có thật //  
Thì niết bàn ấy / không là không có.

XXV.8. Giả sử niết bàn / không là có thật //  
Vậy niết bàn ấy / sao chẳng tùy duyên? //  
Thứ gì đã là / không phải tùy duyên //  
Thì không phải là / sự vật không có

XXV.9. Sự vật xoay vần / hết đến rồi đi, //  
Tùy thuộc nhân duyên, / do nhân duyên tạo. //  
Không còn tùy thuộc, / không nhân duyên tạo, //  
Thì [Như lai] dạy / đó là niết bàn.

XXV.10. Bốn sư dạy rằng //  
Phải bỏ sinh diệt. //  
Vì thế mà biết / niết bàn đúng ra //  
Không là có thật, / không là không có.

XXV.11. Giả sử niết bàn //  
Vừa là có thật / vừa là không có, //  
Vậy giải thoát phải / vừa là có thật //  
Vừa là không có, / điều này phi lý.

XXV.12. Giả sử niết bàn //  
Vừa là có thật / vừa là không có, //  
Vậy thì chẳng phải / là không tùy thuộc, //  
Bởi hai điều này / tùy thuộc lẫn nhau.

XXV.13. Niết bàn làm sao / có thể là thứ //  
Vừa là có thật / vừa là không có? //  
Niết bàn không phải / là pháp vô vi, //  
Có và không có / lại là hữu vi.

XXV.14. Niết bàn làm sao / có thể là thứ //  
Vừa là có thật / vừa là không có? //  
Có và không có / không ở cùng chỗ, //  
Như ánh sáng không / ở cùng bóng tối.

XXV.15. Nói rằng niết bàn //  
Không phải có thật, / không phải không có, //  
Có và không có / phải thiết lập trước, //  
Rồi mới có thể / thiết lập điều ấy.

XXV.16. Nếu như niết bàn //  
"Không phải có thật, / không phải không có," //  
Vậy thì ai biết / để nói niết bàn //



“Không phải có thật / không phải không có.”

XXV.17. Đức Phật Thế tôn / sau khi nhập diệt, //  
Đâu thể nào thấy / rằng Phật là có, //  
Rằng Phật không có, / hay thấy rằng Phật //  
Cũng có cũng không / chẳng có chẳng không

XXV.18. Đức Phật Thế tôn / khi còn tại thế //  
Đâu thể nào thấy / rằng Phật là có; //  
Rằng Phật không có, / hay thấy rằng Phật //  
Cũng có cũng không, / chẳng có chẳng không.

XXV.19. Sinh tử luân hồi / so với niết bàn //  
Đều không hề có / may may phân biệt. //  
Niết bàn so với / sinh tử luân hồi //  
Đều không hề có / may may phân biệt.

XXV.20. Biên tế niết bàn / rốt ráo ở đâu, //  
Biên tế luân hồi / cũng là ở đó. //  
Biên tế này không / may may phân biệt, //  
Vi tế đến đâu / cũng đều không khác

XXV.21. Sau khi diệt độ / sẽ như thế nào; //  
Hữu biên các thứ ; / thường còn các thứ. //  
Những kiến chấp này / tùy thuộc niết bàn, //  
Và giới hạn cuối, / cùng giới hạn trước.

XXV.22.23. Sự vật hết thấy / nhất thiết đều không, //  
Có gì hữu biên / có gì vô biên? //  
Có gì vừa hữu / vừa là vô biên? //  
Có gì không hữu / không là vô biên?

Có gì là nó? / có gì là khác? //  
Có gì thường còn / có gì vô thường? //  
Có gì vừa thường / vừa là vô thường? //  
Có gì cả hai / đều là không phải?

XXV.24. Đối cảnh lắng hết / vào trong tịch tịnh //  
Bao nhiêu động niệm / tịch lắng lặng yên //  
Đức Phật thì có / ở đâu lúc nào //  
Thuyết pháp cho ai?

*Đến đây hết chương 25, tên là Quán Niết Bàn*

## **XVI. QUÁN MƯỜI HAI CHI DUYÊN KHỞI**

XXVI.1. Vì bởi vô minh / nên cứ tái sinh, //  
Khởi ba hành nghiệp. //  
Vì hành nghiệp ấy //  
Mà phải đi vào / sáu cõi sinh tử.

XXVI.2. Bởi duyên nơi hành //  
Nên thức chuyển sinh. //

Thức này một khi / đi vào sinh tử //  
Thì danh và sắc / từ đó hình thành.

XXVI.3. Danh sắc hình thành //  
Thì sinh lục nhập. //  
Dựa trên lục nhập, //  
Xúc thật sự sinh.

XXVI.4. Sinh ra như vậy / chỉ nhờ dựa vào //  
Nhãn, sắc, và niệm. //  
Thế nên bởi vì / tùy thuộc danh sắc //  
Nên thức khởi sinh.

XXVI.5. Nhãn, sắc và thức //  
Ba thứ hợp lại //  
Thì đó là xúc. / Từ nơi xúc này //  
Mà thọ phát sinh

XXVI.6. Bởi duyên nơi thọ //  
Thành ra có ái / ưa thích thọ này. //  
Ái đã khởi rồi //  
Thì bốn loại thủ / sẽ được hình thành.

XXVI.7. Nếu đã có thủ / thì người chấp thủ //  
Nhất định phải có. //  
Nếu không chấp thủ / thì sẽ giải thoát //  
Mà không có hữu.

XXVI.8. Hữu là ngũ uẩn. //  
Vì bởi có hữu / nên mới có sinh. //  
Từ đó mà có / già chết, khổ não, //  
Khóc than, muộn phiền.

XXVI.9. Bao nhiêu tâm ý / bấn loạn không vui //  
Hết thầy đều do / nơi sinh mà có. //  
Cả khối hợp thể / khổ đau này đây //  
Đều chỉ là từ / chỗ này mà có.

XXVI.10. Gốc của luân hồi / nằm ở hành nghiệp, //  
Nên người có trí / thì không tạo tác. //  
Người không có trí / là người tạo tác. //  
Bậc trí không vậy / vì thấy tánh như.

XXVI.11. Vô minh dứt thì //  
Hành nghiệp cũng dứt. //  
Vô minh dứt được //  
Nhờ tuệ và nhờ / tu tập tánh như.

XXVI.12. Cái này cái kia / nếu như đã diệt, //  
Cái kia cái nọ / sẽ không hiện hành. //  
Chỉ có như vậy / hợp thể khổ đau //  
Mới sẽ tận diệt.

Đến đây hết chương 26, tên là Quán Mười Hai Chi Duyên Khởi

## XXVII. QUÁN CÁI THẤY

XXVII.1. Thấy ngã quá khứ / có hay không có, //  
Thấy cõi thế gian / thường còn vân vân, //  
Những cái thấy này //  
Đều là dựa vào / giới hạn đi trước.

XXVII.2. Thấy ngã trong một / tương lai nào khác / có hay không có, //  
Thấy cõi thế gian / kết thúc vân vân, //  
Những cái thấy này //  
Đều là dựa vào / giới hạn đi sau.

XXVII.3. Nói rằng ngã này / có trong quá khứ //  
Là không đúng lý. //  
Cái gì có ở / trong thời quá khứ //  
Không phải là cái / của thời hiện tại.

XXVII.4. Hay ông nghĩ rằng / ngã là mình đây. //  
Nhưng mà chấp thủ / thì lại khác nhau. //  
Ngoài [thân ngũ uẩn / được] chấp thủ ra, //  
Thì ngã của ông / đâu là cái gì!

XXVII.5. Hay ông nói rằng / ngoài [thân ngũ uẩn //  
được] chấp thủ ra / Thì không có ngã, //  
Nên ngã chính là / [thân được] chấp thủ. //  
Nếu là như vậy, / thì ngã của ông / cũng là không có.

XXVII.6. [Thân được] chấp thủ / không phải là ngã, //  
Vì [thân] có thành / và cũng có hoại. //  
Cái được chấp thủ / làm sao có thể //  
Là người chấp thủ?

XXVII.7. Nói ngã khác với / [thân được] chấp thủ //  
Là không đúng lý. / Nếu khác, lẽ ra //  
Không có chấp thủ / cũng vẫn có [ngã], //  
Nhưng mà đâu có.

XXVII.8. Nên không khác với / [thân được] chấp thủ, //  
Cũng không phải là / [thân được] chấp thủ. //  
Không có chấp thủ / thì không có ngã, //  
Sự không có này / cũng không cố định.

XXVII.9. Nói trong quá khứ / ngã này không có //  
Là không đúng lý. //  
Ngã nào có trong / những thời quá khứ, //  
Không phải là khác / với ngã đời này.

XXVII.10. Nếu ngã đời này / khác ngã đời trước //  
Thì không ngã trước / ngã này vẫn có. //  
Nếu là như vậy / ngã trước hãy còn //  
Chưa chết mà ngã / đời này vẫn sinh.

XXVII.11. Thế là đoạn diệt, / làm hỏng mất nghiệp. //  
Nghiệp người này làm //  
Người kia phải chịu, //  
Những việc đại loại / ắt sẽ xảy ra.

XXVII.12. Không phải từ không / mà trở thành có. //  
Điều này sẽ dẫn / đến nhiều lầm lỗi. //  
Ngã mà như vậy / là thứ được tạo //  
Không có nhân mà / vẫn được sinh ra.

XXVII.13. Vậy thì ngã ấy / có hay không có, //  
Cũng có cũng không, / chẳng có chẳng không, //  
Những cái thấy này / về ngã quá khứ //  
Đều không đúng lý.

XXVII.14. Ngã ở trong một / tương lai nào khác //  
Có hay không có, //  
Những cái thấy này //  
Đều là giống như / thấy ngã quá khứ.

XXVII.15. Nếu như thấy rằng / trời cũng là người //  
Thì cái thấy này / là thấy thường còn. //  
Đã vậy thì trời / sẽ không sinh ra, //  
Vì đã thường còn / thì không sinh khởi.

XXVII.16. Nếu như thấy rằng / trời khác với người, //  
Thì cái thấy này / là thấy vô thường. //  
Nếu trời và người / là khác với nhau, //  
Ắt không thể nào / có sự tương tục.

XXVII.17. Nếu một nửa trời, //  
Một nửa là người, //  
Thì cũng là thường / cũng là vô thường, //  
Điều này vô lý.

XXVII.18. Nếu như cả hai / thường và vô thường //  
Cùng được thiết lập, / thì phải nhận rằng //  
Không phải thường còn / không phải vô thường //  
Cũng được thiết lập.

XXVII.19. Nếu như có ai / đến từ chỗ nào //  
Rồi đi chỗ khác, //  
Vậy thì luân hồi / phải từ vô thủy, //  
Chuyện này không có.

XXVII.20. Nếu đã không có / cái gì thường còn, //  
Vậy thì thử hỏi / có gì vô thường, //  
Có gì cũng thường / cũng là vô thường, //  
Có gì chẳng thường / chẳng là vô thường.

XXVII.21. Nếu như thế gian / vốn là hữu biên, //  
Vậy thì làm sao / có được đời sau? //  
Nếu như thế gian / vốn là vô biên, //

Vậy thì làm sao / có được đời sau?

XXVII.22. Ngủ uẩn tiếp nối //  
Giống như lửa đèn, //  
Vì thế cho nên //  
Hữu biên vô biên / đều là phi lý.

XXVII.23. Ngủ uẩn đi trước / một khi hoại diệt, //  
Dựa ngủ uẩn này //  
Mà ngủ uẩn sau / lại không khởi sinh //  
Thì như vậy là / thế gian hữu biên.

XXVII.24. Ngủ uẩn đi trước / nếu chưa hoại diệt, //  
Dựa ngủ uẩn này //  
Mà ngủ uẩn sau / lại không khởi sinh, //  
Thì như vậy là / thế gian vô biên.

XXVII.25. Nếu như thế gian / phân nửa hữu biên, //  
Phân nửa vô biên, / vậy thế gian này //  
Vừa là hữu biên / vừa là vô biên, //  
Cũng không hợp lý.

XXVII.26. Người chấp thủ thì / làm sao có thể //  
Phân nửa hoại diệt, //  
Phân nửa bất hoại, //  
Như vậy vô lý.

XXVII.27. Cái được chấp thủ / làm sao có thể //  
Phân nửa hoại diệt, //  
Phân nửa bất hoại, //  
Như vậy vô lý.

XXVII.28. Nếu như hữu biên / cùng với vô biên //  
Cùng được thiết lập, / thì phải nhận rằng //  
Không phải hữu biên / không phải vô biên //  
Cũng được thiết lập.

XXVII.29. Lại nữa, mọi sự / hết thảy là không, //  
Vậy thì có ai / ở đâu, lúc nào, //  
Do đâu mà lại / khởi lên cái thấy //  
Chấp sự thường còn, / các thứ đại loại.

*Đến đây hết chương 27, tên là Quán Cái Thấy*

## **TÁN PHẬT CUỐI LUẬN**

Với lòng từ bi / thương yêu gìn giữ, //  
Vì để đoạn lìa / hết thảy kiến chấp, //  
Nên Phật thuyết cho / diệu pháp này đây: //  
Đức Phật Cổ Đàm, / con xin kính lễ.

~ **XUẤT XỨ NGUYÊN BẢN TẠNG NGŨ**

*Trên đây là bài pháp Căn Bản Trung Quán Luận Tụng, được gọi là Tuệ Bát Nhã, trình bày giáo pháp A-tì-đạt-ma của Đại thừa, minh giải đường đi của Bát nhã ba-la-mật, giảng về chân tánh của thắng nghĩa đế, do bậc thầy vĩ đại là Thánh giả Long thọ, với trí tuệ từ bi không ai sánh bằng, làm sáng tỏ cỗ xe vô thượng của Như lai, đắc Hoan hỉ địa, vào cõi Cực lạc, rồi trở thành đức Như Lai Sinh Xứ Trí Quang tại quốc độ Trùng Quang.*

*Theo lệnh của bậc tối thắng chúa thượng tự tại, đại vương ngự trị cát tường [Quốc Vương Trisong Detsen], bài pháp này được đại sư trưởng Trung đạo xứ Ấn là Sư Trí Tạng [Jñanagarbha] chuyển dịch cùng tỷ kheo dịch giả Chokro Lui Gyaltsen chuyển dịch, hiệu đính và hoàn thành văn bản, bao gồm 27. chương, 449. chỉnh cú, gom thành một quyển rưỡi.*

*Sau đó, tại tu viện Ratnagupta [Tu viện Bảo Mật], thành Anupama [Vô Song] xứ Kashmir, lại được sư trưởng người Kashmir tên là Hasumati và dịch giả người Tạng tên là Patsap Nyima Drak, cùng thời với bậc chủ tể loài người là đức Thánh Thiên, chỉnh lại theo Minh Cú Luận.*

*Sau nữa, tại điện Rasa Trulnang, lại được sư trưởng người Ấn tên Kanaka và dịch giả Patsap Nyima Drak nói trên chỉnh lại lần chót.*

## **XUẤT XỨ BẢN DỊCH VIỆT NGỮ**

*Hồng Như chuyển Việt ngữ từ bản Tạng ngữ nói trên, tham khảo cùng bản Anh dịch của Jay L. Garfield; của nhóm dịch thuật Padmakara; bản Hán dịch của ngài Cư Ma La Thập [Kumārajīva]; và bản Việt dịch của ngài Thích Thiện Siêu. Ấn bản điện tử tháng 08 năm 2021. Đang trong quá trình duyệt lại theo luận giải. Xem ngày chỉnh sửa mới nhất ở đầu trang.*